



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



<https://hgm.vn/>

Số 390, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang



# MỤC LỤC

## Chương

### 01

#### PHẦN MỞ ĐẦU

- 9. Thông điệp chủ tịch HĐQT
- 10. Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2020 – 2024
- 10. Tầm nhìn và Sứ mệnh

## Chương

### 02

#### GIỚI THIỆU CÔNG TY

- 14. Thông tin chung về doanh nghiệp.
- 22. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
- 26. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
- 30. Giới thiệu ban lãnh đạo.
- 44. Định hướng phát triển.
- 48. Mục tiêu phát triển bền vững
- 50. Rủi ro

## Chương

### 03

#### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 56. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 60. Tổ chức và nhân sự.
- 64. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư.
- 66. Tình hình tài chính.
- 68. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.
- 72. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

## Chương

### 04

#### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 82. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.
- 84. Tình hình tài chính.
- 87. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.
- 88. Phương hướng phát triển năm 2025.
- 90. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

## Chương

### 05

#### ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 94. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty.
- 100. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc.
- 101. Kế hoạch, định hướng của HĐQT.

## Chương

### 06

#### QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 104. Hội đồng quản trị.
- 110. Ban kiểm soát.
- 111. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS, BTGD.
- 114. Tăng cường quản trị công ty.

## Chương

### 07

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 118. Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán



# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

<b>Công ty/ HGM</b>	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
<b>UBCKNN</b>	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
<b>HNX</b>	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
<b>CTCP</b>	Công ty cổ phần
<b>ĐHĐCĐ</b>	Đại hội đồng cổ đông
<b>HĐQT</b>	Hội đồng quản trị
<b>CTHĐQT</b>	Chủ tịch Hội đồng quản trị
<b>BKS</b>	Ban kiểm soát
<b>BGD</b>	Ban giám đốc
<b>GD</b>	Giám đốc
<b>PGĐ</b>	Phó Giám đốc
<b>CBCNV</b>	Cán bộ công nhân viên





# PHẦN MỞ ĐẦU



Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tóm tắt thông tin tài chính giai đoạn 2020 – 2024

Tâm nhìn và Sứ mệnh



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, QUÝ KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC

Năm 2024, Công ty bước vào giai đoạn kinh doanh với những diễn biến thị trường chưa thực sự thuận lợi. Nhu cầu tiêu thụ trong nửa đầu năm chưa tăng trưởng mạnh, trong khi chi phí sản xuất và cạnh tranh trong ngành vẫn ở mức cao. Tuy nhiên, Công ty đã kiên định với chiến lược phát triển bền vững, duy trì hoạt động ổn định và sẵn sàng nắm bắt cơ hội khi điều kiện thị trường thay đổi.

Bước sang quý IV, những biến động trên thị trường quốc tế đã tác động mạnh đến giá kim loại, tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhờ chủ động thích ứng và khai thác tốt cơ hội, Công ty đã đạt được kết quả tăng trưởng ấn tượng. Doanh thu cả năm ước đạt trên 370 tỷ đồng, tăng gần 2 lần so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận trước thuế ước đạt trên 229 tỷ đồng, tăng 331 lần so với năm trước. Đây là minh chứng cho năng lực điều hành linh hoạt và chiến lược phát triển phù hợp với bối cảnh thị trường.

Dù kết quả đạt được rất khả quan, chúng tôi hiểu rằng các yếu tố thuận lợi từ thị trường có thể không kéo dài suốt năm 2025. Biến động địa chính trị và xu hướng kinh tế toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều diễn biến khó lường. Vì vậy, Công ty sẽ tiếp tục tập trung đầu tư vào công nghệ, nâng cao năng suất, tối ưu hóa chi phí và mở rộng quan hệ hợp tác để đảm bảo tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý cổ đông, Quý khách hàng và Đối tác đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng Công ty. Với nền tảng vững chắc và chiến lược đúng đắn, chúng tôi tin tưởng vào sự phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

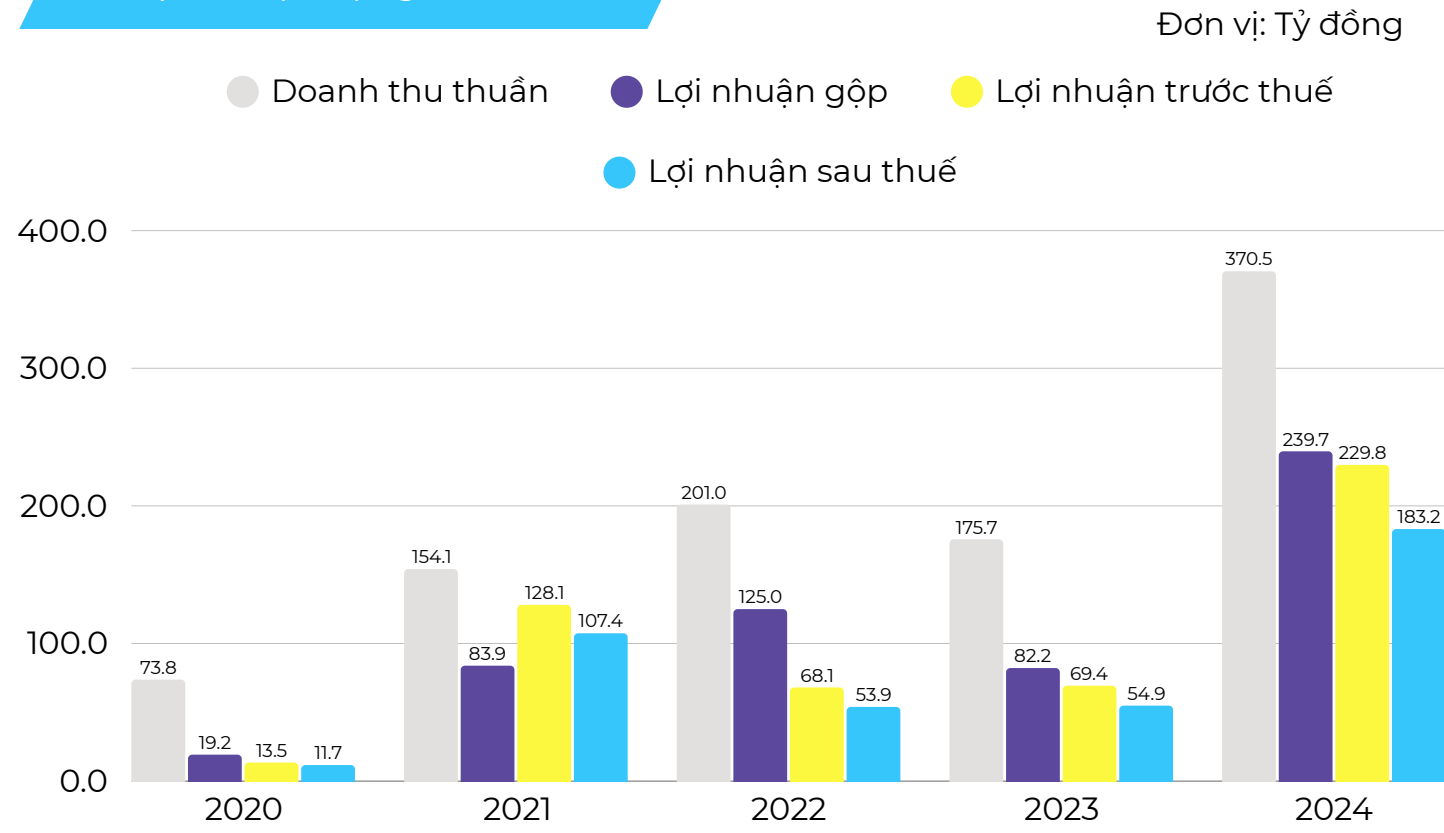
**Trân trọng,  
Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Phạm Thành Đô**

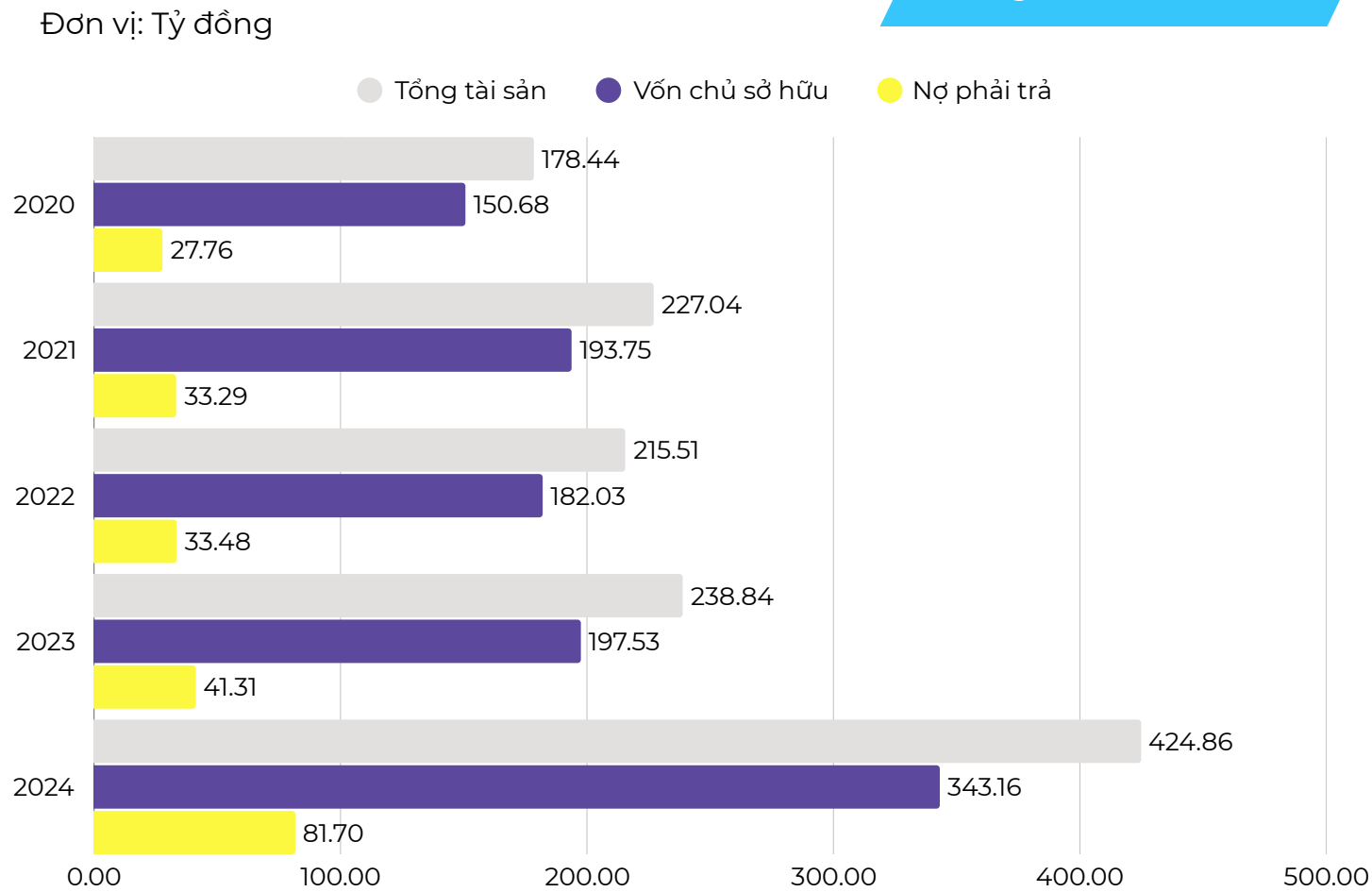


# TÓM TẮT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2020 - 2024

## Kết quả hoạt động kinh doanh



## Bảng cân đối kế toán



## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024
Thu nhập trên tổng tài sản bình quân (ROAA)	6,55%	52,98%	24,38%	24,15%	55,19%
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA)	7,73%	62,37%	28,71%	28,90%	67,75%



### Tầm nhìn

Trở thành một trong những Công ty hàng đầu sản xuất và cung cấp sản phẩm Antimon kim loại (A-H) đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường Châu Âu, Mỹ và Châu Á.



### Sứ mệnh

Xây dựng thương hiệu HGM thành thương hiệu mạnh và có uy tín đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.





# GIỚI THIỆU CÔNG TY



Thông tin chung về doanh nghiệp

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Giới thiệu ban lãnh đạo

Định hướng phát triển

Rủi ro





## THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

### Thông tin khái quát

#### Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

**Tên giao dịch quốc tế** : HaGiang Mining

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số** : 5100101762

**Vốn điều lệ** : 126.000.000.000 đồng

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu** : 126.000.000.000 đồng



**Mã cổ phiếu** : HGM

**Địa chỉ trụ sở chính** : Số 390, đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Việt Nam

**Số điện thoại** : 02193 866708

**Fax** : 02193867068

**Website** : <https://www.hgm.vn>



## CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- Năm 1995** Tiên thân của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác và Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang.
- Năm 1996** Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được cấp giấy phép khai thác khoáng sản quặng Antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, Yên Minh, Hà Giang.
- Năm 2002** Dây chuyền tuyển luyện quặng Antimon cho ra sản phẩm Kim loại A-H 99,95% đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đầu tiên.
- Năm 2003** Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang nhận giấy phép khai thác tận thu khoáng sản Chì Kẽm tại điểm quặng tại xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.
- Năm 2004** Sản phẩm Kim loại Antymony A-H của công ty đoạt Huy chương Vàng sản phẩm kim loại Antimon tại Hội chợ Triển lãm Thương mại Quốc tế EXPO, giải thưởng chất lượng Vàng Việt Nam và nhiều giải thưởng khác.
- Năm 2005** Công ty Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được cổ phần hóa theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang.  
Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân ra đời là kết quả hợp tác giữa Công ty Hữu hạn Kinh mậu Chúng Thao Vân Nam (Trung quốc) và Công ty Cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang (Việt Nam) thực hiện chức năng tuyển quặng chì, kẽm

- Năm 2021** Thay đổi đăng ký kinh doanh lần 8 ngày 01/06/2021. Sản phẩm Kim loại A-H được vào Top 20 thương hiệu nổi tiếng năm 2021.
- Năm 2015** Tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Khai thác, chế biến khoáng sản Hải Dương (mã: KHD) với tỷ lệ sở hữu 35,7%.
- Năm 2014** Hoàn thành việc tham gia đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần gang thép Cao Bằng (mã: CBI) với tỷ lệ sở hữu 9,6%.
- Năm 2013** Công ty phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, nâng vốn điều lệ từ 60 tỷ lên 126 tỷ đồng.  
Số lượng cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HNX là 12.600.000 cổ phiếu.
- Năm 2012** Thành lập chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang và thanh lý Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân do hết hạn hoạt động.
- Năm 2009** Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán ngày 21/12/2009, cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch lần đầu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: HGM. Số lượng cổ phiếu niêm yết là 6.000.000 cổ phiếu.
- Năm 2006** Công ty chuyển đổi hình thức hoạt động từ Doanh nghiệp Nhà nước sang mô hình Công ty Cổ phần. Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/02/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.





**Năm 2022**

Bộ TNMT Quyết định phê duyệt điều chỉnh tọa độ Giấy phép khai thác. CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty; Bộ TNMT phê duyệt nâng cấp trữ lượng mỏ Mậu Duệ.

**Năm 2023**

Thoái vốn tại KHD; Lập hồ sơ cấp Giấy phép môi trường; Lập hồ sơ điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản;

**Năm 2024**

Top 10 Doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 cho lĩnh vực khai thác chế biến quặng Antimon. Bằng vàng danh hiệu Top 20 doanh nghiệp phát triển vững mạnh năm 2024. TOP 20 thương hiệu xuất sắc toàn cầu 2024; Bộ TMT cấp Giấy phép môi trường.

**DOANH THU THUẦN**

**370,45** Tỷ VNĐ

**↑111%** So với cùng kỳ

**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

**229,79** Tỷ VNĐ

**↑231%** So với cùng kỳ

**LỢI NHUẬN SAU THUẾ**

**183,16** Tỷ VNĐ

**↑234%** So với cùng kỳ

**TỔNG TÀI SẢN**

**424,86** Tỷ VNĐ

**↑78%** So với cùng kỳ

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**343,16** Tỷ VNĐ

**↑74%** So với cùng kỳ

**LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**14.394** Đồng/cổ phiếu

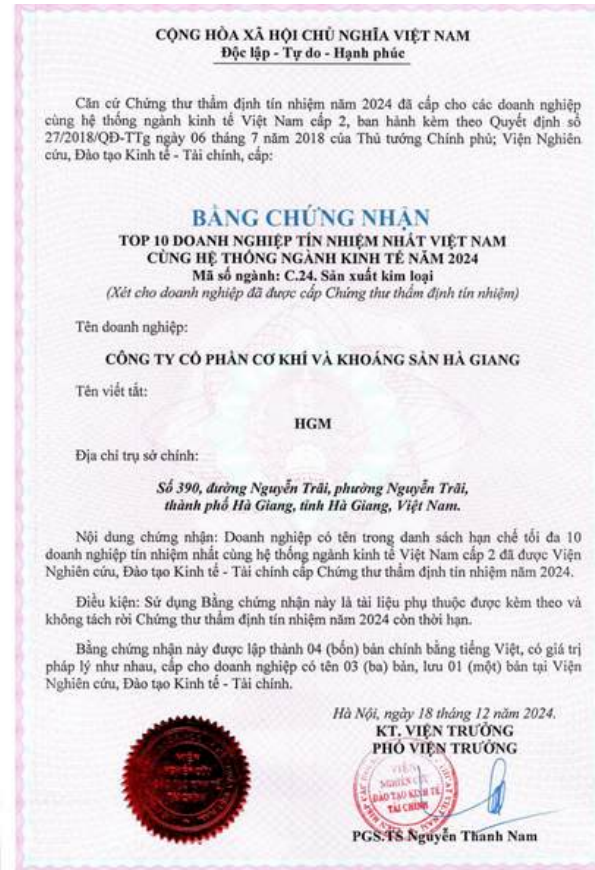
**↑229%** So với cùng kỳ



## CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT KHÁC

### TOP 10 DOANH NGHIỆP TÍN NHIỆM NHẤT VIỆT NAM

Bằng chứng nhận Top 10 Doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam được cấp bởi Viện Nghiên cứu, Đào tạo Kinh tế - Tài chính. Đây là giải thưởng có ý nghĩa lớn, giúp doanh nghiệp khẳng định vị thế, uy tín trên thị trường, là lợi thế trong đấu thầu, mở rộng thị trường và hợp tác quốc tế.



### TOP 20 THƯƠNG HIỆU XUẤT SẮC TOÀN CẦU

Vinh danh trong top 20 Thương hiệu xuất sắc toàn cầu (Global Excellent Brand 2024) tổ chức tại Indonesia. Giải thưởng Thương hiệu xuất sắc toàn cầu 2024 là một chương trình quốc tế nhằm tôn vinh các doanh nghiệp có sản phẩm và dịch vụ xuất sắc trên toàn cầu. Sự kiện này không chỉ ghi nhận những thương hiệu uy tín mà còn tạo cơ hội cho hơn 300 doanh nghiệp hàng đầu châu Á giao lưu, kết nối và hợp tác.



### CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN ISO 9001:2015

Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015 cho lĩnh vực khai thác chế biến quặng Antimon - đây là chứng chỉ xác nhận rằng một doanh nghiệp hoặc tổ chức đã áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng (QMS) theo tiêu chuẩn quốc tế do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) ban hành. Đây là bộ tiêu chuẩn được công nhận trên toàn cầu, cho thấy có quản lý chuyên nghiệp, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường, giúp doanh nghiệp dễ dàng xuất khẩu hoặc hợp tác với các đối tác quốc tế.



### CÁC GIẢI THƯỞNG KHÁC

- Kỷ niệm chương về chương trình hàng việt tốt vì quyền lợi người tiêu dùng năm 2024.
- Bằng khen Công đoàn cơ sở có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình "Mái ấm công đoàn" giai đoạn 2019-2023 của LĐLĐ tỉnh Hà Giang.
- Bằng khen của UBND Tỉnh do đã có thành tích xuất sắc trong công tác thực hiện chính sách pháp luật thuế 2023.
- Kỷ niệm chương về công tác phát triển quan hệ đối tác Hải Quan doanh nghiệp và các bên liên quan.
- Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa năm 2024.
- Bằng chứng nhận Top 10 Doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt nam năm 2024.
- Được Bộ KH-CN đề nghị Chính phủ tặng giải thưởng chất lượng Việt Nam 2024
- Được UBND tỉnh đề nghị Chính phủ tặng cờ thi đua năm 2024



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính

Chính: Sản xuất Kim loại Antimon  $\geq 99,65\%$  xuất khẩu (Ký hiệu sản phẩm A-H)



Tổ chức thăm dò và chế biến các loại khoáng sản.



Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.



Sản xuất, gia công các mặt hàng cơ khí, xây dựng và lắp đặt các công trình điện vừa và nhỏ có cấp điện áp đến 35 KV



Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu



Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng



Các hoạt động khác pháp luật không cấm



## Địa bàn hoạt động

**Trụ sở chính Công ty** địa chỉ số 390 đường Nguyễn Trãi, Thành phố Hà Giang.

**Mở khai thác antimon và nhà máy chế biến kim loại** tại xã Mậu Duệ - huyện Yên Minh tỉnh Hà Giang gồm: Phân xưởng khai thác quặng antimon và Phân xưởng luyện antimon.

**Chi nhánh Công ty trực thuộc Công ty:** địa chỉ Tòa Nhà Prime Center, Số 53, Phố Quang Trung - Nguyễn Du - Hai Bà Trưng - Hà Nội. Đảm nhiệm quan hệ giao dịch, đối ngoại và chức năng phát triển thị trường, tìm kiếm khách hàng.

**Với thị trường xuất khẩu:** Sản phẩm kim loại Antimon A-H đạt từ 99,65% trở lên được xuất khẩu chủ yếu sang thị trường Nhật Bản, Châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc và một số thị trường khác như Ấn Độ.





# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Hiện nay, HGM đang áp dụng mô hình quản trị theo điểm a, khoản 1, điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Trong đó có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị: Gồm có 07 thành viên, 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu có nhiệm kỳ là 5 năm và thực hiện chức năng giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.

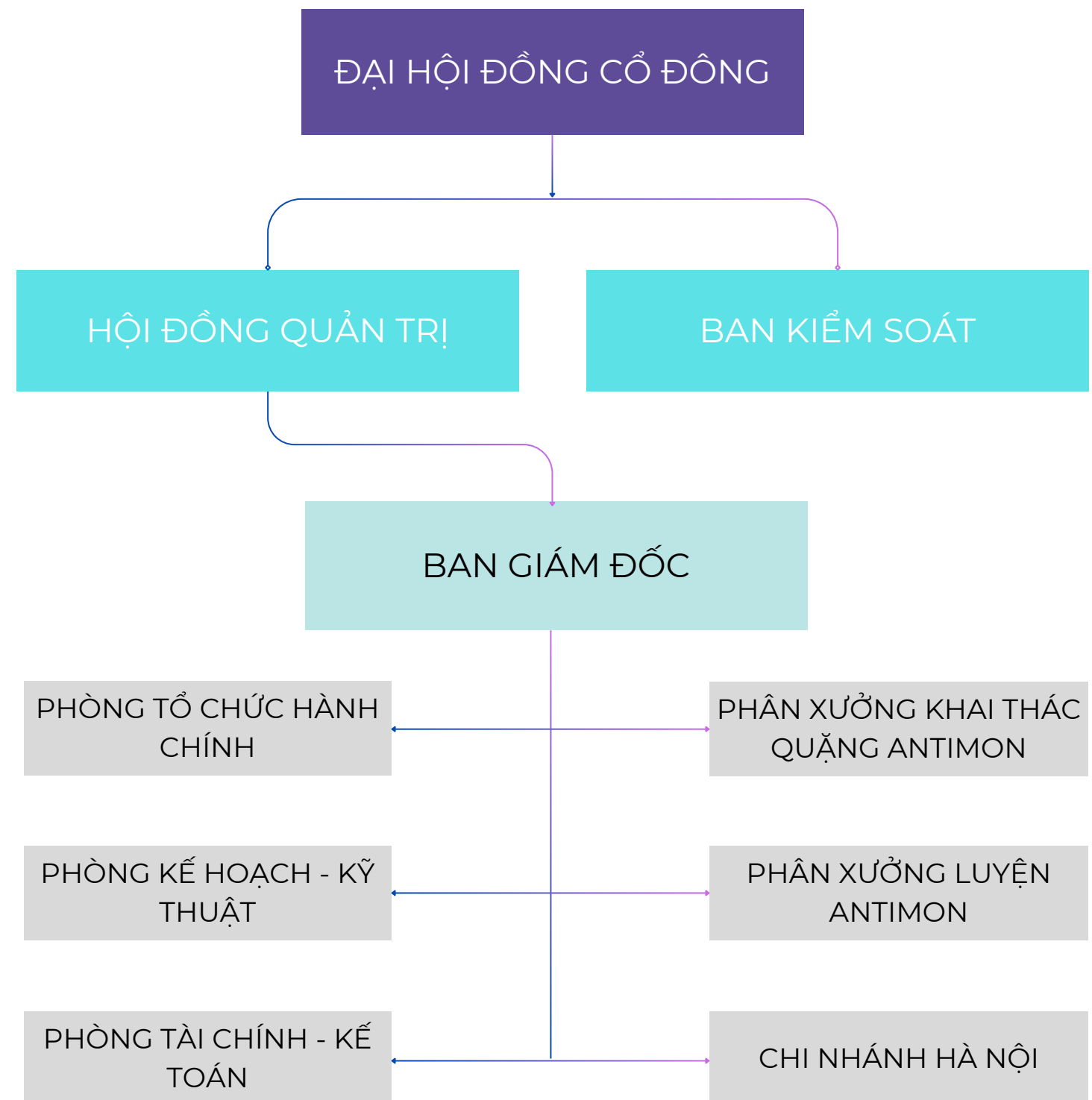
## BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát: Gồm có 03 thành viên, là cơ quan kiểm tra, giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty theo Quy định Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty và các văn bản hướng dẫn. Ban Kiểm soát thẩm định Báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

## BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc: Gồm có 04 thành viên do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Ban điều hành chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban điều hành của Công ty gồm có 01 Giám đốc, 03 Phó giám đốc.

Sơ đồ tổ chức doanh nghiệp





## Công ty con, công ty liên kết

**Công ty con:** Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang không có công ty con

**Công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (mã CBI)

STT	Công ty liên kết	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của HGM
1	Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (mã CBI)	Số 52 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng	Sản xuất gang thép, phôi thép	430.063.660.000	9,6%



Công ty liên kết: Công ty Cổ Phần Gang thép Cao Bằng



## GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

### Hội đồng quản trị

#### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Ông: Phạm Thành Đô**

##### Thông tin chung

Chức vụ	: Chủ tịch HĐQT
Năm sinh	: 1978
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ tài chính
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 399.800 cổ phần

##### Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2000 - 2003	Chuyên viên	Vụ kế hoạch và đầu tư bộ công nghiệp
2003 - 2006	Phó Giám đốc	Công ty TNHH D&P
2006 - 2014	Thành viên HĐQT	Công ty CP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
2014 - nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty CP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
2011 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Gang thép Cao Bằng
2016 - nay	Thành viên HĐQT	CTCP Giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam

#### PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Ông: Nguyễn Việt Phương**

##### Thông tin chung

Chức vụ	: Phó chủ tịch HĐQT - Không điều hành
Năm sinh	: 1979
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần

##### Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
01/2004 - 12/2004	Chuyên viên ban thẩm định	Quỹ hỗ trợ phát triển Trung ương
01/2005 - 05/2007	Hàm phó phòng tổng hợp, Thư ký	Quỹ hỗ trợ phát triển Trung ương
05/2007 - 12/2008	Trưởng phòng quản lý vốn nước ngoài	Sở giao dịch 1 Ngân hàng phát triển Việt Nam
01/2009 - 06/2015	Phó trưởng ban tín dụng xuất khẩu	Hội sở Ngân hàng phát triển Việt Nam
08/2015 - nay	Phó trưởng ban đầu tư 3	Tổng công ty và kinh doanh vốn nhà nước



## Hội đồng quản trị

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Ông: Trần Nguyễn Nam****Thông tin chung**

Chức vụ	: Thành viên HĐQT - Không điều hành
Năm sinh	: 1971
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Tiến sỹ kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2006 - 2010	Chánh văn phòng	Học viện tài chính, Bộ tài chính
2010 - 2011	Phó viện trưởng	Viện kinh tế tài chính, học viện tài chính
2011 - 2012	Phó trưởng ban tổ chức cán bộ	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
2012 - 2014	Quyền chánh văn phòng điều hành	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
2014 - 2019	Phó trưởng ban kế hoạch tổng hợp	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước
2019 - nay	Trưởng ban kế hoạch tổng hợp	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Ông: Đỗ Khắc Hùng****Thông tin chung**

Chức vụ	: Thành viên HĐQT, Giám đốc
Năm sinh	: 1974
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 28.000 cổ phần

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1991 - 1993	Cán bộ kế toán	CH Thương nghiệp huyện Xí Mần
1993 - 1995	Cán bộ kế toán	Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang
1995 - 1996	Cán bộ kinh doanh	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang
2000 - 2006	Cán bộ kế toán	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang
2006 - 2020	Kế toán trưởng	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang
2020 - nay	Giám đốc	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang



## Hội đồng quản trị

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Ông: Tạ Hồng Thăng****Thông tin chung**

Chức vụ	: Thành viên HĐQT độc lập
Năm sinh	: 1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Luật
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 32.400 cổ phần

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2000 - 2014	Cán bộ	Công ty TNHH Thăng Long GTC
2014 - nay	Trưởng ban	Công ty TNHH cung cấp giải pháp dịch vụ giá trị gia tăng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Ông: Nguyễn Trung Hiếu****Thông tin chung**

Chức vụ	: Thành viên HĐQT độc lập
Năm sinh	: 1967
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân vật lý
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 70.100 cổ phần

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1989 - 1991	Kỹ sư vật lý	Viện khoa học Việt Nam
2001 - 2010	Phó tổng giám đốc	Công ty CP Minh Sơn
2010 - nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần xây lắp và thương mại COMA25 Công ty cổ phần đầu tư Bắc Kỳ
2010 - nay	Chủ tịch HĐQT	Công ty cổ phần đầu tư Bắc Kỳ
2010 - nay	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu dầu khí Việt Nam



## Hội đồng quản trị

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Ông: Trịnh Ngọc Hiếu****Thông tin chung**

Chức vụ	: Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc
Năm sinh	: 1965
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 245.200 cổ phần

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1992 - 1996	Cán bộ phòng kế hoạch kỹ thuật	Xí nghiệp cơ khí Hà Giang
1996 - 2000	Phó quản đốc	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang
2000 - 2006	Phó giám đốc	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang
2006 - 2009	Phó giám đốc	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang
2009 - 2016	Giám đốc	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang
2016 - nay	Phó giám đốc	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang

## Ban kiểm soát

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT****Ông: Nguyễn Ngọc Tuấn****Thông tin chung**

Chức vụ	: Trưởng BKS
Năm sinh	: 1979
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2003 - 2008	Chuyên viên	Bộ Công thương
2008 - 2013	Nhân viên	Công ty chứng khoán BIDV
2013 - nay	Nhân viên	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang



## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### Bà: Nguyễn Thị Lương Thanh

#### Thông tin chung

Chức vụ	: Thành viên BKS
Năm sinh	: 1978
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ quản lý kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần

#### Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2001 - 2009	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần đầu tư Hoàng Đạo
2009 - nay	Chuyên viên ban đầu tư 3	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước

## Ban kiểm soát

## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### Ông: Nguyễn Hữu Trọng

#### Thông tin chung

Chức vụ	: Thành viên BKS
Năm sinh	: 1980
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 200 cổ phần

#### Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2007 - 2023	Nhân viên	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
2023 - nay	Phó quản đốc phân xưởng luyện	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang



## Ban điều hành

**TỔNG GIÁM ĐỐC****Ông: Đỗ Khắc Hùng**

(Đã giới thiệu ở mục HĐQT)

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****Ông: Trịnh Ngọc Hiếu**

(Đã giới thiệu ở mục HĐQT)

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****Ông: Nguyễn Văn Biên****Thông tin chung**

Chức vụ	: Phó Giám đốc
Năm sinh	: 1964
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư khai thác
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 9.700 cổ phần

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1992 - 1993	Nhân viên	Sở công nghiệp Hà Giang
1993 - 1994	Phó quản đốc	Công ty khai thác và chế biến khoáng sản Hà Giang
1994 - 2002	Quản đốc phân xưởng khai thác	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang
2002 - 2006	Phó giám đốc	Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang
2006 - nay	Phó giám đốc	Công ty CP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang



## Ban điều hành

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC****Ông: Vũ Thắng Bình****Thông tin chung**

Chức vụ	: Phó Giám đốc
Năm sinh	: 1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2002 - 2008	Chuyên viên	Bộ Thương mại
2008 - 2012	Trưởng khối phân tích đầu tư	Công ty chứng khoán ngân hàng đầu tư phát triển
2012 - 2013	Phó giám đốc chi nhánh	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
2013 - nay	Giám đốc chi nhánh	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
2021 - nay	Phó giám đốc Công ty	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

**KẾ TOÁN TRƯỞNG****Bà: Hoàng Lê Khanh****Thông tin chung**

Chức vụ	: Kế toán trưởng
Năm sinh	: 1977
Quốc tịch	: Việt Nam
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 3.800 cổ phần

**Quá trình công tác**

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1998 - 2006	Kế toán viên	Công ty cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang
2006 - 2017	Kế toán thanh toán	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
2017 - 2021	Kế toán tổng hợp	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
2021 - nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu

Khẳng định vị thế là một trong những nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm Antimon kim loại (A-H) hàng đầu Việt Nam.

Mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng cường xuất khẩu và từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Không ngừng cải tiến quy trình sản xuất, đảm bảo sản phẩm có chất lượng cao, đồng đều, đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường xuất khẩu.

### Định hướng phát triển trung và dài hạn

#### Đối với công tác thị trường

Công ty tập trung vào thị trường xuất khẩu, chú trọng các thị trường truyền thống như Nhật, Âu, Ấn song song với tăng cường mở rộng thị trường nội địa, tận dụng lợi thế cạnh tranh là lượng khách hàng ổn định sau nhiều năm hoạt động và tiếp tục phát triển từ đó.



#### Đối với sản xuất

- Đầu tư hoàn thiện dây chuyền tuyển quặng Antimon để tận thu tài nguyên khoáng sản.
- Đầu tư hoàn thiện dây chuyền thiêu, luyện để nâng cao hiệu suất thu hồi.
- Tổ chức thăm dò, nâng cấp trữ lượng mỏ quặng Antimon Mậu Duệ đưa vào khai thác phục vụ nguyên liệu cho nhà máy luyện.
- Mở rộng thị trường tiêu thụ và tăng cường công tác thu mua quặng hàm lượng cao hỗ trợ nguyên liệu cho nhà máy luyện.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến sâu.



Định hướng phát triển thương hiệu và truyền thông

- Xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu công ty gắn logo vào các sản phẩm đường link hgm.vn để khách hàng dễ tiếp cận và truy cập tìm hiểu thông tin về công ty.
- Phương thức truyền thông dưới nhiều hình thức trong đó chú trọng vai trò của truyền thông mạng làm việc với các đơn vị báo đài đưa tin về công ty tham gia các giải thưởng về sản phẩm.



Đối với hoạt động tài chính

Đảm bảo hiệu quả tài chính trong ngắn hạn nhưng vẫn có sự bền vững, hài hòa trong dài hạn trên cơ sở cân bằng lợi ích giữa các bên.



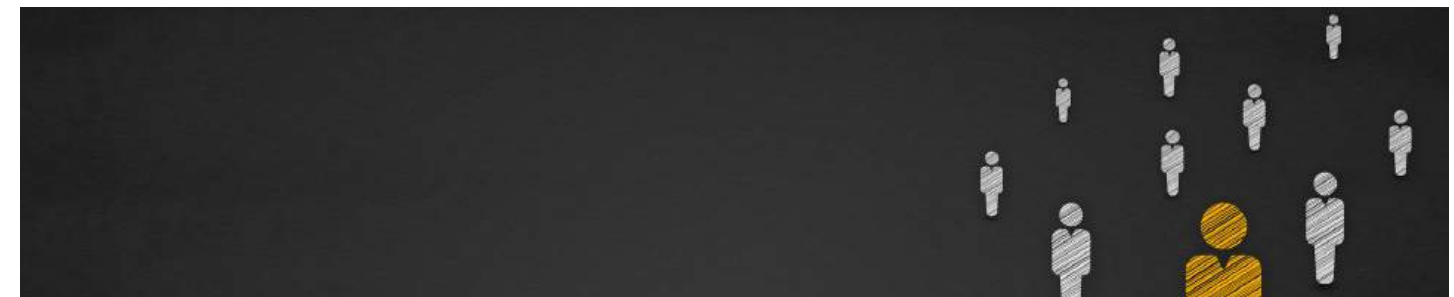
Đối với mô hình tổ chức, quản trị và bộ máy điều hành

- Áp dụng các mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với quy mô phát triển trong từng giai đoạn.
- Xây dựng bộ máy tổ chức với cơ chế phân cấp mạch lạc, rõ ràng.
- Mở rộng phạm vi, năng lực hoạt động kinh doanh.



Đối với nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ.
- Đổi mới, hoàn thiện cơ chế sử dụng lao động, cơ chế trả lương.
- Thực hiện tốt quy chế lao động và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.



Đối với công nghệ, máy móc thiết bị

- Nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ mới trong sản xuất nhằm nâng cao hiệu suất thu hồi quặng.
- Đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại, áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất để nâng cao năng suất lao động.





## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty đặt ra mục tiêu phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột chính: hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

### Phát triển kinh tế vững mạnh

Tận dụng cơ hội từ sự tăng giá của antimon trên thị trường quốc tế (đạt khoảng 40.000 USD/tấn vào cuối năm 2024) để tối ưu hóa sản xuất, gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Cải tiến công nghệ khai thác và chế biến để nâng cao năng suất, giảm chi phí vận hành.

Mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác mới và duy trì mối quan hệ với khách hàng chiến lược nhằm đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm.



### Giảm thiểu tác động môi trường

Áp dụng các biện pháp kiểm soát ô nhiễm trong khai thác và luyện quặng, giảm phát thải khí và chất thải rắn ra môi trường.

Đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

Trồng cây xanh, cải tạo các khu vực khai thác sau khi hoàn tất để khôi phục hệ sinh thái địa phương.

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

### Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương

Tiếp tục hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội như xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, trạm y tế tại địa phương.

Tạo thêm việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương thông qua các chương trình tuyển dụng và đào tạo nghề.

Phối hợp với chính quyền địa phương để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Với các mục tiêu trên, công ty hướng tới sự phát triển lâu dài, cân bằng giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm đối với môi trường cũng như cộng đồng, góp phần vào sự phát triển bền vững của ngành khai khoáng và nền kinh tế địa phương.







## RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Biến động thị trường: Sự thay đổi về cầu tiêu và cung ứng trên thị trường quốc tế có thể ảnh hưởng đến doanh thu và biên lợi nhuận của Công ty. Năm 2024, tình hình thế giới biến động phức tạp, khó lường, kinh tế, thương mại thế giới phục hồi chậm và không đồng đều giữa các quốc gia, xung đột địa chính trị leo thang đặt ra nhiều rủi ro cho những quốc gia có độ mở thương mại lớn, bao gồm Việt Nam. Đối với khối ngành sản xuất, các rủi ro hiện hữu từ biến động kinh tế thế giới bao gồm: thắt chặt chính sách thương mại, tăng cường bảo hộ tại các thị trường xuất khẩu lớn, đình trệ chuỗi cung ứng gây ra bởi căng thẳng thương mại – xung đột chính trị, gia tăng chi phí đầu vào, gia tăng áp lực cạnh tranh, rủi ro từ bất ổn trong an ninh năng lượng, .... Bên cạnh đó, biến động tỷ giá ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu và giá trị khi xuất khẩu.



### Rủi ro pháp luật

Lĩnh vực sản xuất và kinh doanh khoáng sản ngày càng chịu nhiều sự tác động quản lý của các cơ quan nhà nước bao gồm Luật Khoáng sản, Luật Bảo vệ tài nguyên và môi trường, Luật quản lý thuế ... Do vậy nếu có sự thay đổi về chính sách của pháp luật của Nhà nước thì đều ảnh hưởng đến chiến lược và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, việc khai thác và chế biến khoáng sản nhìn chung đều có ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên do vậy hoạt động sản xuất kinh doanh rất tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào các tranh cãi pháp lý liên quan.



### Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Khoáng sản là nguồn tài nguyên không tái tạo được, đồng thời do nguồn tài nguyên này nằm sâu dưới lòng đất nên không thể có sự thăm dò chính xác về trữ lượng tài nguyên. Do vậy những yếu tố về trữ lượng, chất lượng khoáng sản ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty.





## Rủ ro về thời tiết

Do đặc thù của ngành khai thác khoáng sản là khai thác lộ thiên hoặc khai thác hầm lò do vậy ảnh hưởng của thời tiết, ví dụ như mưa nhiều đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty.



## Rủ ro môi trường

Do đặc thù của ngành khai thác và chế biến khoáng sản là có ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên, Công ty luôn chú trọng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững đi kèm với bảo vệ môi trường. Các phế phẩm, khí thải, nước thải từ quá trình khai thác và sản xuất sản phẩm luôn được doanh nghiệp quan tâm xử lý đúng với quy định của nhà nước, sao cho ảnh hưởng đến môi trường xung quanh ở mức tối thiểu. Ngoài ra, công ty còn có những chính sách tái chế, tái sử dụng một số các nguyên liệu đầu vào vừa bảo vệ môi trường vừa tiết kiệm chi phí đầu vào.



## Rủ ro về an toàn trong lao động

Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất trực tiếp trong lĩnh vực luyện kim nhiệt độ cao. Môi trường sản xuất tiềm ẩn nhiều rủi ro về mất an toàn kỹ thuật dẫn đến sự cố về thiết bị, máy móc và con người.



## Rủ ro bất khả kháng khác

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng nằm ngoài ý trí chủ quan của Công ty như thiên tai, hỏa hoạn, ... là những rủi ro có thể gây thiệt hại đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty. Đây là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của doanh nghiệp. Công ty chỉ có thể hạn chế các rủi ro này bằng cách tiến hành mua bảo hiểm với tài sản cũng như tăng cường công tác dự báo, dự đoán để phân nào hạn chế hậu quả nếu rủi ro xảy ra.





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH

### Thuận lợi



Năm 2024 là năm sản xuất kinh doanh của Công ty đạt được những cột mốc mới trong tất cả các chỉ tiêu với kết quả vượt trội so với cùng kỳ các năm trước đây. Để đạt được cột mốc này ngoài sự tăng giá phi mã của kim loại antimon còn là sự cố gắng lao động không ngừng nghỉ của toàn bộ tập thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty.

Bên cạnh đó, thị trường tiêu thụ của Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định, với nhu cầu trong nước có xu hướng gia tăng. Khách hàng ngày càng tin tưởng vào chất lượng sản phẩm cũng như chính sách giá cả hợp lý của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị phần và tăng trưởng doanh thu.

Công ty cũng đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao kỹ năng cho người lao động nhằm xây dựng đội ngũ nhân lực vững mạnh, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khi có thêm nhà máy tuyển và mở rộng công suất. Trong năm Công ty đã tổ chức tập huấn đào tạo thăm quan học hỏi cho các cán bộ Công ty.

Một yếu tố quan trọng khác giúp Công ty duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất là khả năng tự chủ về tài chính, không phải vay vốn cho sản xuất. Điều này giúp cho việc cung cấp nguyên nhiên vật liệu cho sản xuất không bị gián đoạn, đảm bảo phục vụ kịp thời để duy trì sản xuất.



### Khó khăn

Năm 2024, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang phải đối mặt với nhiều thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trước tiên, tình trạng thiếu hụt nguyên liệu đầu vào, hàm lượng thiêu thấp, cùng với giá nguyên vật liệu tăng cao đã ảnh hưởng lớn đến chi phí sản xuất và hiệu quả khai thác. Bên cạnh đó, điều kiện thời tiết bất lợi và thiên tai thường xuyên xảy ra đã gây gián đoạn quá trình khai thác, làm giảm sản lượng và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng nguyên liệu.

Ngoài ra, tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của Công ty vẫn còn chậm do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Việc giải quyết các thủ tục pháp lý, huy động nguồn vốn, cũng như tác động từ biến động thị trường khiến một số dự án chưa thể triển khai đúng kế hoạch, ảnh hưởng đến chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Trước những khó khăn này, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các giải pháp tối ưu nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, cải thiện hiệu suất khai thác và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm để duy trì sự phát triển bền vững trong thời gian tới.





## Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

HĐQT đã triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp ngay từ đầu năm, hoạt động điều hành bám sát diễn biến hoạt động của Công ty và của thị trường, cùng sự cố gắng nỗ lực của người lao động, kết quả đạt được trong năm 2024 là tương đối khả quan, một số các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản như sau:

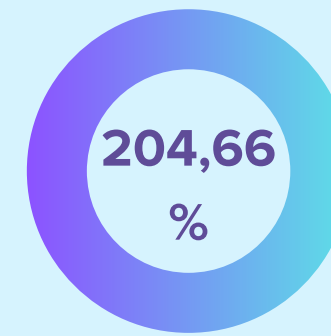
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ	181	370,45
2	Sản phẩm tiêu thụ	Tấn	680	756,34
3	Sản xuất Kim loại	Tấn	500	684,7
4	Khai thác nguyên liệu	Tấn	5.000	6.222
5	Lao động	Người		142
6	Thu nhập bình quân	Triệu		22,16
7	Nộp ngân sách	Tỷ		76
8	Lợi nhuận trước thuế chưa trích lập dự phòng(*)	Tỷ	50	242
9	Cổ tức bằng tiền (**)	%	≥ 15	50

(\*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/03/2024 thì Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 50 tỷ chưa bao gồm các khoản trích lập dự phòng tài chính.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/03/2024 thì cổ tức năm 2024 là ≥15% , Công ty đã tạm ứng đợt 1/2024 là 20%[GNL1] và tạm ứng đợt 2/2024 là 30%.

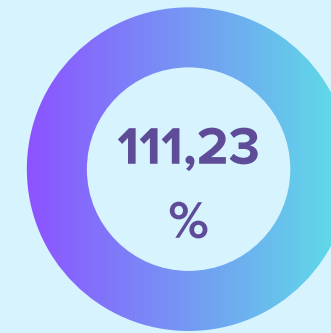


### DOANH THU BÁN HÀNG



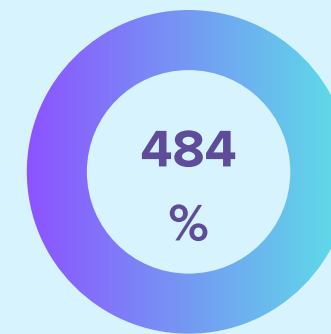
Doanh thu bán hàng thực hiện trong năm 2024 đạt 204,66% so với kế hoạch đề ra đầu năm, đạt 210,86% so với cùng kỳ năm 2023.

### SẢN PHẨM TIÊU THỤ



Sản phẩm tiêu thụ thực hiện trong năm 2024 đạt 111,23% so với kế hoạch đề ra đầu năm, đạt 115,07% so với cùng kỳ năm 2023

### LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ CHƯA TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG



Lợi nhuận trước thuế chưa trích lập dự phòng trong năm 2024 đạt 484% so với kế hoạch đề ra đầu năm, đạt 345,71% so với cùng kỳ năm 2023.



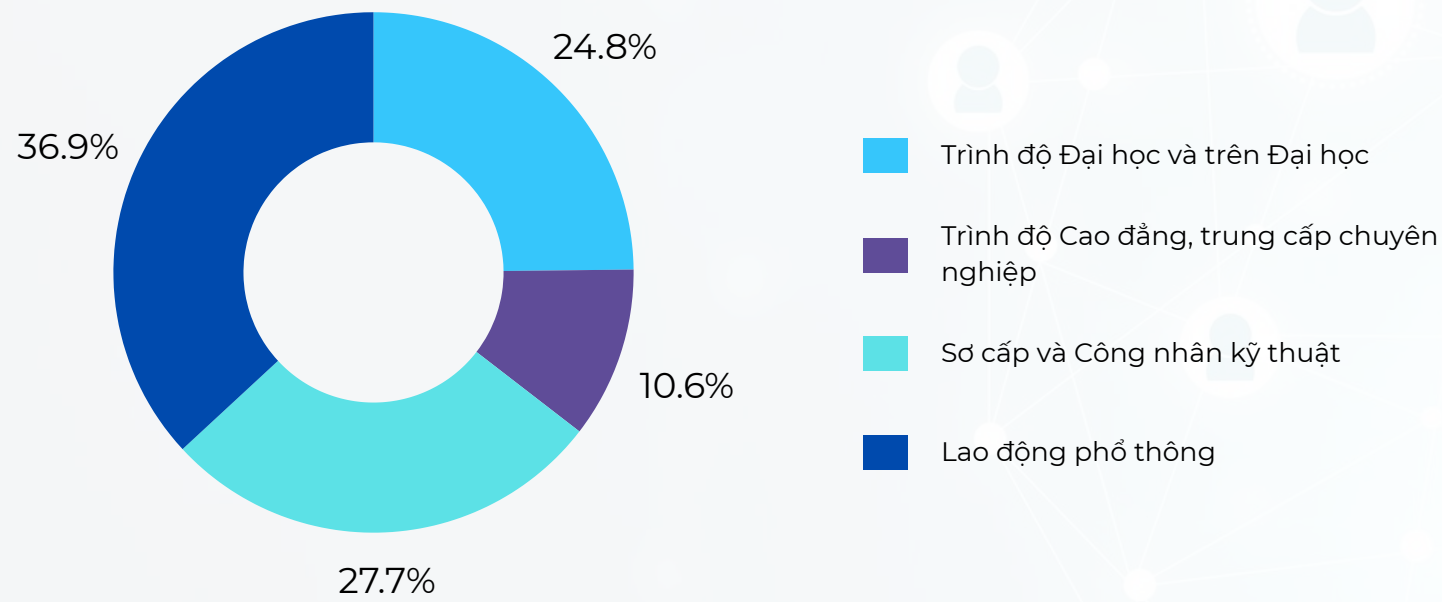


## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

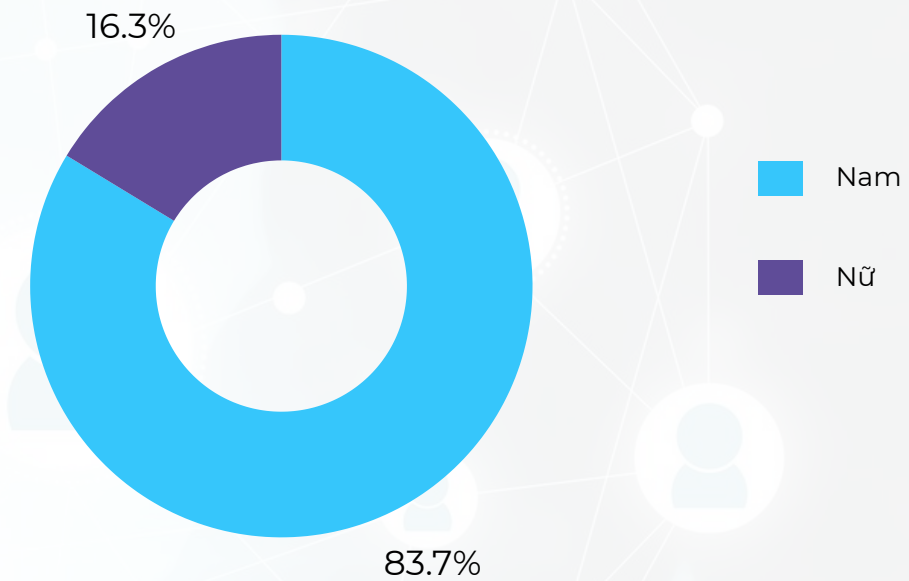
### Cơ cấu nhân sự

Tính đến ngày 31/12/2024, tổng số lao động của Công ty là 141 người. Cụ thể như sau:

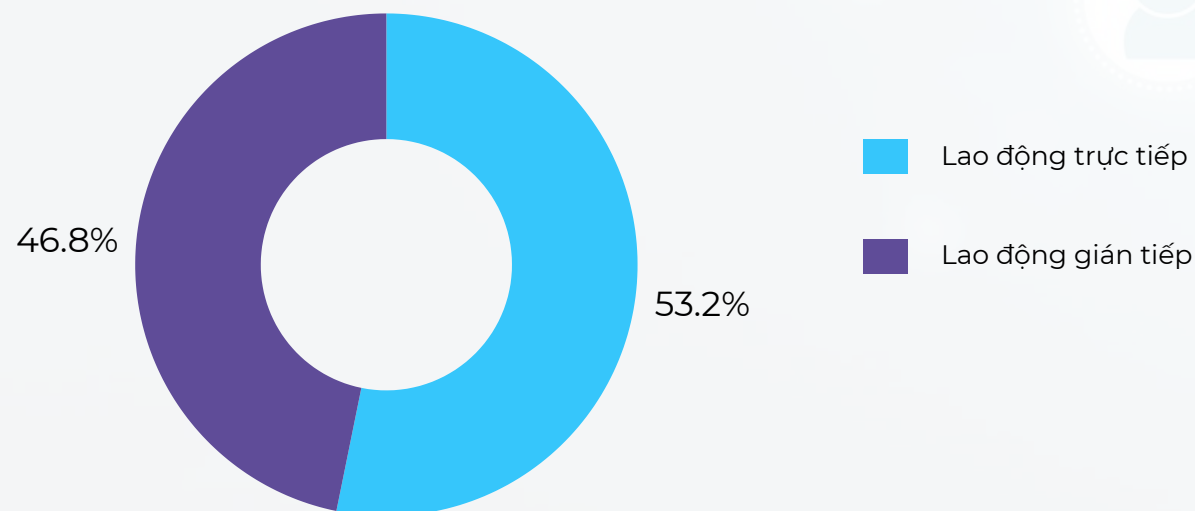
Cơ cấu lao động năm 2024 phân theo trình độ lao động



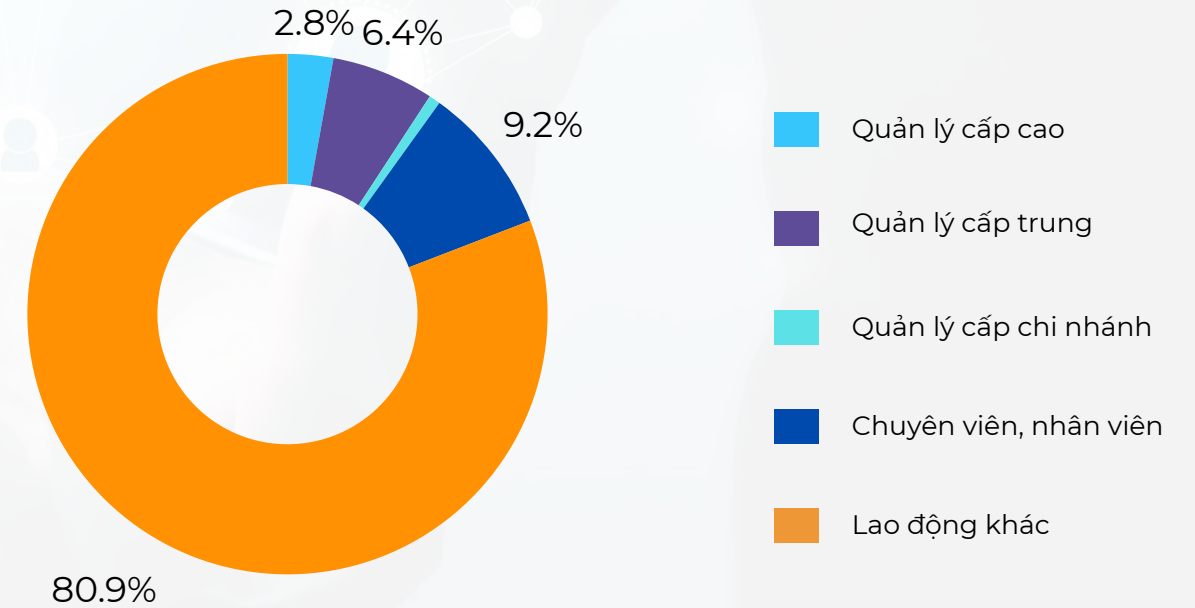
Cơ cấu lao động năm 2024 phân theo giới tính



Cơ cấu lao động năm 2024 phân theo đối tượng lao động



Cơ cấu lao động năm 2024 phân theo cấp quản lý





## Thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2024, không có sự thay đổi trong cơ cấu ban điều hành Công ty.



## Tóm tắt chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện chính sách lao động đầy đủ và đảm bảo quyền lợi cho nhân viên theo quy định pháp luật. Thời gian làm việc hợp lý với chế độ ca kíp linh hoạt, cùng chính sách làm thêm giờ có đãi ngộ phù hợp. Chế độ nghỉ phép, nghỉ ốm, thai sản được áp dụng đúng luật, mang lại sự hỗ trợ tốt cho người lao động. Các phúc lợi như bảo hiểm, trang bị lao động, bồi dưỡng độc hại và hỗ trợ ăn ca giúp cải thiện điều kiện làm việc. Công ty cũng chú trọng an toàn lao động, đào tạo nhân sự và tuyển dụng bài bản, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp. Nhìn chung, chính sách lao động của Công ty khá toàn diện, đảm bảo quyền lợi và phúc lợi tốt, góp phần nâng cao chất lượng nhân sự và hiệu suất làm việc. Tuân thủ các quy định theo Luật lao động, Bảo hiểm xã hội....





## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### Tình hình thực hiện dự án đầu tư

Trong năm 2024, Công ty đang triển khai các dự án lớn như sau:

1	Tên dự án	Dự án điều chỉnh giấy phép khai thác và đầu tư xưởng tuyển
2	Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
3	Hình thức đầu tư	Đầu tư trực tiếp
4	Mục tiêu đầu tư	Công ty xây dựng Dự án điều chỉnh giấy phép khai thác, dự kiến thời gian khai thác có thời hạn là 20 năm dựa trên trữ lượng nâng cấp được phê duyệt.
5	Quy mô dự án	Quy mô của dự án là khai thác nguyên liệu 20 nghìn tấn/năm để phục vụ cho nhu cầu sản xuất 1000 tấn kim loại/năm và có điều kiện mở rộng quy mô của Công ty trong lĩnh vực chế biến và khai thác khoáng sản.
6	Năng lực sản xuất	Khai thác nguyên liệu 20 nghìn tấn/năm để phục vụ cho nhu cầu sản xuất 1000 tấn kim loại/năm .
7	Địa điểm thực hiện dự án	Xã Mậu Duệ, Huyện Yên Minh, Tỉnh Hà Giang
8	Tổng mức đầu tư dự án	96.575.919.000 đồng
9	Kế hoạch và thời điểm vận hành thương mại	2026
10	Tình hình và tiến độ thực hiện dự án trong năm	Hoàn thành nội dung bổ sung diện tích đất vào quy hoạch sử dụng đất hoạt động khoáng sản đến năm 2030, hoàn thành khảo sát địa hình khu vực nhà máy tuyển, làm việc tìm hiểu về công nghệ, kỹ thuật tuyển quặng. Thống nhất được tổng mặt bằng dự án điều chỉnh, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi thiết kế cơ sở chờ thẩm định. Lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư Dự án khai thác và chế biến kim loại Antimon.



Ngoài ra, Công ty thực hiện 5 hạng mục đầu tư có quy mô dưới 10 tỷ đồng khác khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024, kết quả thực hiện sẽ được thể hiện tại Phần V - Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty.

### Hoạt động tại các công ty con, công ty liên kết

**Công ty con:** Không có

**Công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng (mã CBI)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024
1	Tổng tài sản tại ngày 31/12/2024	1.976.151.956.533 VNĐ
2	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2024	430.063.660.000 VNĐ
3	Giá trị khoản đầu tư của HGM thực góp tại ngày 31/12/2024	69.469.880.000 VNĐ
4	Khoản trích lập dự phòng của HGM đối với khoản đầu tư vào Công ty LK	28.600.000.000 VNĐ
5	Lợi nhuận sau thuế	(150.442.421.215) VNĐ

**Công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Chế biến và Khai thác khoáng sản Hải Dương (mã KHD)

Trong năm 2024, Công ty đã thoái hết vốn tại CTCP Chế biến và Khai thác khoáng sản Hải Dương.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tóm tắt tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng trưởng
Tổng tài sản	238,84	424,86	77,9%
Doanh thu thuần	175,68	370,45	110,9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	70,96	234,14	230,0%
Lợi nhuận khác	-1,61	-4,35	169,5%
Lợi nhuận trước thuế	69,35	229,79	231,4%
Lợi nhuận sau thuế	54,85	183,16	233,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	45%	50%	

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	Đơn vị	2023	2024
<b>Nhóm chỉ số thanh khoản</b>			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	5,74	4,99
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,52	4,65
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,81	1,53
<b>Nhóm chỉ số cơ cấu vốn</b>			
Nợ/ Tổng tài sản	%	17,30	19,23
Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	20,91	23,81
Nợ vay và thuê tài chính/ Tổng tài sản	%	-	-
<b>Nhóm chỉ số hiệu quả hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Vòng	2,52	4,47
Số ngày tồn kho bình quân	Ngày	145,05	81,68
Vòng quay khoản phải thu bình quân	Vòng	29,58	63,85
Số ngày phải thu bình quân	Ngày	12,34	5,72
Vòng quay khoản phải trả bình quân	Vòng	13,66	15,61
Số ngày phải trả bình quân	Ngày	26,72	23,38
Số ngày chuyển đổi tiền mặt	Ngày	130,68	64,01
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,77	1,12
<b>Nhóm chỉ số khả năng sinh lợi</b>			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	%	46,76	64,69
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	%	40,39	63,20
Tỷ suất LNST	%	31,22	49,44
ROAA	%	24,15	55,19
ROEA	%	28,90	67,75



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Thông tin cổ phiếu

Tính đến hết ngày 31/12/2024, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang đã phát hành 12.600.000 cổ phiếu. Trong đó:

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	HGM
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/ cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết	21/12/2009, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán HGM.
Số cổ phiếu phổ thông	12.600.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu ưu đãi	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành	12.600.000 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	12.600.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	200 cổ phiếu
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2024	Tháng 10/ 2024, Công ty hoàn thành giao dịch bán 679.280 cổ phiếu quỹ theo phương án tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 44/NQ-HĐQT ngày 09/08/2024 Phương thức giao dịch: Khớp lệnh và/hoặc thảo thuận Giá bán: Theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch và không thấp hơn 64.000 đồng/ cổ phiếu

### Các chứng khoán khác

Trong năm 2024, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.

### Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cổ đông tổ chức	Cổ đông cá nhân
Tổng số lượng cổ phiếu	12.600.000	100%	165	9	156
Cổ đông nhà nước (*)	5.876.280	46,64%	1	1	0
Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	6.877.380	54,58%	2	2	0
• Trong nước	6.877.380	54,58%	2	2	0
• Ngoài nước	0	0	0	0	0
Cổ đông nhỏ	5.722.620	45,42%	163	7	156
• Trong nước	5.697.520	45,22%	149	3	146
• Ngoài nước	25.100	0,20%	14	4	10
Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0

# 0%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Công ty có giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 0%.



## Danh sách cổ đông lớn

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của HGM chốt ngày 13/11/2024

STT	Tên	Địa chỉ (cổ đông cá nhân)/ Trụ sở (cổ đông tổ chức)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Tòa nhà Charmvit - 117 Trần Duy Hưng - Q.Cầu Giấy - Tp.Hà Nội	5.876.280	46,6%
2	Công ty TNHH Quốc tế DP	Số 8, tổ 34, Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.001.100	7,9%

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Thời điểm	Số cổ phần phát hành thêm	VĐL sau khi phát hành	Phương thức tăng vốn
Năm 2006	0	10.000.000.000	Vốn ban đầu sau khi cổ phần hóa
Lần 1: Tháng 06/2009	5.000.000	60.000.000.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Lần 2: Năm 2012	300.000	63.000.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
Lần 3: Năm 2013	6.300.000	126.000.000.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu





## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không thống kê

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có



### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Tổng lượng dầu diezen sử dụng trong năm: 110.535 lít (tăng 4,4% so với 105.866 lít vào năm 2023)
- Tổng lượng than các loại sử dụng sản xuất: 2.545 tấn (tăng 9,9% so với 2.316 tấn vào năm 2023)

Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. Chủ yếu sử dụng các nguyên liệu sau: Xi thiêu quặng Antimon: 4.116,3 tấn, xỉ bột: 45,1 tấn.

### Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Năm lượng tiêu thụ chủ yếu là điện: 616.179 kWh sử dụng chủ yếu chạy máy nén khí, hệ thống quạt hút bụi, máy bơm nước, điện chiếu sáng khu vực sản xuất và dùng trong sinh hoạt làm việc hàng ngày của cán bộ công nhân.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Tiết kiệm điện chiếu sáng bằng việc thay thế dẫn bóng sợi đốt bằng bóng đèn Led chiếu sáng hoạt động sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng. Điện khí hóa máy móc thiết bị sản xuất, hạn chế sử dụng máy nổ chạy dầu diezen gây ô nhiễm môi trường. Tiết kiệm điện trong sản xuất: Hạn chế vận hành các máy, thiết bị có công suất tiêu thụ điện lớn của xưởng vào giờ cao điểm như:
- Tắt công tắc điện các máy nén khí khoảng 20 phút trước khi kết thúc làm việc, thường xuyên tổ chức kiểm tra định kỳ hệ thống hơi để tránh rò rỉ hơi, gây thất thoát điện năng.
- Hệ thống điện của xưởng được thường xuyên kiểm tra hệ thống dây dẫn, công tắc, cầu dao, điểm tiếp xúc có bị nóng do chập chập, rò rỉ điện, kiểm tra nối đất để giảm thất thoát điện.
- Tắt tất cả các thiết bị dùng điện không cần thiết khi ra khỏi phòng và hết giờ làm việc, tắt hẳn nguồn điện khi không còn sử dụng các thiết bị như: Máy vi tính, máy in, máy photocopy, máy scan, quạt thông gió...
- Tối ưu hóa sản xuất ở một số công đoạn để tiết kiệm điện năng
- Sử dụng hệ thống đèn năng lượng mặt trời trong khu vực bảo vệ.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về sử dụng điện tiết kiệm:

Quán triệt đến từng CBCNV thực hiện triệt để việc tiết kiệm điện. Từng CBCNV phải gương mẫu thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, đồng thời phải là một tuyên truyền viên tích cực trong việc vận động gia đình, người thân tham gia hưởng ứng chương trình tiết kiệm điện.





## Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước hồ chứa từ khe nguồn trên núi có cả nước mưa để sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt, lượng nước tiêu thụ trong năm 2024 của Công ty là 14.600 m<sup>3</sup>

Nguồn nước sử dụng chủ yếu là nguồn nước tự nhiên được sử dụng vào quá trình sản xuất thiêu luyện, cho việc làm mát hệ thống lò và sinh hoạt hằng ngày của cán bộ nhân viên.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 90% hệ thống thu gom nước được sử dụng theo phương pháp tuần hoàn khép kín gồm:



Phương án xử lý nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trên khai trường mỏ và bãi thải đất đá được thu gom qua hệ thống mương hở, chảy vào hố thu lắng 01. Nước được lắng cặn tại hố lắng 01, tiếp tục chảy qua hệ thống kênh dẫn tới hố thu lắng 02, sau đó được thải ra môi trường thông qua cửa xả nước thải có tọa độ X(m): 2553 032; Y(m): 474 481. Chất lượng nước thải đạt theo QCVN 40:2011/BTNMT.

Phương án xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được chia thành 2 nguồn:

- Dòng nước thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu nhà vệ sinh khu văn phòng và xưởng luyện được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó hợp chung với nước thải từ nhà tắm, vòi rửa, nhà bếp (qua bể tách mỡ) đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý trước khi xả thải ra môi trường.
- Dòng nước thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu nhà vệ sinh khu vực điều hành mỏ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó hợp chung với nước thải từ nhà tắm, vòi rửa đưa qua bể lọc sinh học trước khi xả thải ra môi trường.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Thông tin về hệ thống xử lý rác thải nội bộ: Công ty có thuê bên thứ 3 để xử lý rác thải và đầu tư một hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt, trồng cây xanh phủ kín các bãi thải.





## Chính sách liên quan tới người lao động

### Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Đến ngày 31/12/2024 Công ty có 141 lao động. Mức lương trung bình đối với người lao động trong năm 2024 là: 20,8 triệu đồng/ người/ tháng. Thu nhập bình quân là 22,3 triệu đồng/ người/ tháng.

## Thu nhập bình quân 23,3 Triệu đồng



### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

**Thời gian làm việc:** Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 48 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các nhà xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo ca với mật độ 2 - 3 ca/ngày. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

**Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:** Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép trong năm. Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

**Nghỉ ốm, thai sản:** Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định, còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

**Các chế độ, phúc lợi:** Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động:

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN cho 100% người lao động theo quy định
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% người lao động.
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành đối với bộ phận sản xuất trực tiếp và gián tiếp theo quy định.
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn giữa ca.
- Mua bảo hiểm kết hợp tai nạn – sinh mạng – nằm viện, phẫu thuật cho toàn bộ người lao động tại Công ty.

**Chính sách an toàn, bảo hộ lao động:** Lãnh đạo Công ty thường xuyên quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động.

### Hoạt động đào tạo, tuyển dụng người lao động:

- **Tuyển dụng:** mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất.
- **Đào tạo:** Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.





## Chính sách liên quan tới người lao động

### Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2024, công ty xác định đào tạo và nâng cao năng lực cho người lao động là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất, đảm bảo an toàn lao động và nâng cao hiệu quả quản lý. Chương trình đào tạo sẽ tập trung vào các bộ phận chính, bao gồm:

Đào tạo bộ phận khai thác

- Kiến thức và kỹ năng vận hành máy móc, thiết bị khai thác.
- Kỹ thuật khoan nổ mìn và an toàn trong khai thác mỏ.
- Các quy định pháp luật về khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường.

Đào tạo bộ phận thiêu quặng và luyện quặng

- Công nghệ thiêu kết và luyện kim antimon.
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm trong quá trình chế biến.
- An toàn lao động và bảo vệ sức khỏe trong môi trường luyện kim.

Đào tạo khối văn phòng

- Tổ chức - hành chính - nhân sự: Kỹ năng quản lý nhân sự, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.
- Kế hoạch - kỹ thuật và bán hàng: Phân tích thị trường khoáng sản, chiến lược tiếp thị và mở rộng thị trường.
- Kế toán: Sử dụng phần mềm kế toán ACMEN, quản lý tài chính và lập báo cáo theo chuẩn mực kế toán.



Ngoài ra, công ty cũng sẽ tổ chức các buổi đào tạo chung về an toàn lao động, bảo vệ môi trường và nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Việc đào tạo sẽ được thực hiện dưới nhiều hình thức như đào tạo nội bộ, hợp tác với chuyên gia trong ngành, cũng như cử cán bộ đi học tập tại các đơn vị có kinh nghiệm. Thông qua chương trình đào tạo này, công ty kỳ vọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo hoạt động sản xuất an toàn, hiệu quả và bền vững, góp phần vào sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức sâu sắc về trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương và cam kết đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của xã hội. Chúng tôi triển khai nhiều chương trình hỗ trợ giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế địa phương. Cụ thể, công ty tài trợ học bổng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đồng hành cùng các dự án cải thiện cơ sở hạ tầng trường học và tổ chức các hoạt động hướng nghiệp. Bên cạnh đó, công ty tích cực tham gia các chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng như khám chữa bệnh miễn phí, hỗ trợ trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế địa phương. Công ty cũng chú trọng đến các hoạt động bảo vệ môi trường thông qua việc giảm thiểu tác động từ sản xuất, trồng cây xanh và tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Ngoài ra, công ty khuyến khích nhân viên tham gia hoạt động thiện nguyện, đóng góp công sức vào các chương trình hỗ trợ người dân gặp khó khăn, thiên tai. Những nỗ lực này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp mà còn giúp gắn kết công ty với cộng đồng, tạo ra giá trị bền vững cho cả hai bên.

Tổng số tiền trong năm 2024 công ty dành cho công tác hỗ trợ địa phương là 3,05 tỷ.

### Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh: Không có





# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC 4



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Phương hướng phát triển năm 2025

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH



## Tình hình hoạt động trong năm 2024, đánh giá của BĐH

Đơn vị: Tỷ đồng

Kết quả kinh doanh	2023	2024	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	175,68	370,45	110,9%
Giá vốn hàng bán	93,53	130,80	39,8%
Lợi nhuận gộp	82,15	239,65	191,7%
Doanh thu hoạt động tài chính	7,07	10,99	55,3%
Chi phí tài chính	1,19	11,07	N/a
- Trong đó: Chi phí lãi vay	0,00	0,00	N/a
Chi phí bán hàng	1,72	3,04	77,2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15,36	24,53	59,7%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	70,96	234,14	230,0%
Lợi nhuận khác	-1,61	-4,35	169,5%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69,35	229,79	231,4%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54,85	183,16	233,9%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, 2024

Năm 2024 là một năm thành công vượt bậc của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang, với hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh đạt mức tăng trưởng ấn tượng so với năm 2023.

**Tổng doanh thu thuần** đạt **370,45 tỷ đồng**, tăng **110,9%** so với năm trước. Điều này phản ánh nhu cầu thị trường đối với kim loại antimon tiếp tục gia tăng đặc biệt là từ các thị trường xuất khẩu. Sản phẩm của Công ty vẫn khẳng định được uy tín thương hiệu và chất lượng.

**Lợi nhuận gộp** tăng mạnh **191,7%**, đạt **239,65 tỷ đồng**, nhờ vào chiến lược tối ưu hóa sản xuất, nâng cao hiệu suất thu hồi quặng và tiết giảm chi phí nhiên liệu. Công ty đã áp dụng phương án tuyển lại quặng sau nghiền, giúp tăng tỷ lệ quặng đưa vào thiêu theo các cấp độ, từ đó tiết giảm nguyên liệu và nâng cao sản lượng thu hồi.

Về tài chính, **doanh thu từ hoạt động tài chính** đạt **10,99 tỷ đồng**, tăng **55,3%** so với năm trước. Trong đó, có hơn 2,5 tỷ đồng được ghi nhận từ tiền lãi bán cổ phần của CTCP Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương. Bên cạnh đó, **chi phí tài chính** giảm mạnh, từ **1,19 tỷ đồng** xuống âm **11,07 tỷ đồng (chuyển từ dương sang âm)**, chủ yếu do ghi nhận khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính gần 13,3 tỷ đồng.

Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ và thiết bị, giúp tối ưu hóa chi phí vận hành. Tuy nhiên, **chi phí bán hàng** và **chi phí quản lý doanh nghiệp** cũng có xu hướng gia tăng lần lượt **77,2%** và **59,7%**, phản ánh sự mở rộng hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Nhờ các yếu tố trên, **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** tăng vượt trội gần **230,0%**, đạt **234,1 tỷ đồng**, so với mức **70,96 tỷ đồng** của năm 2023. **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** đạt **229,79 tỷ đồng**, tăng **231,4%**, trong khi **lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp** đạt **183,16 tỷ đồng**, tăng **233,9%**.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất trong năm diễn ra ổn định, với hệ thống lò thiêu luyện vận hành liên tục mà không phải dừng lò. Các giải pháp kỹ thuật và quản lý hiệu quả giúp Công ty đảm bảo sản lượng sản xuất theo đúng kế hoạch. Công ty cũng chủ động nghiên cứu và đặt hàng sản xuất hệ thống thu bụi túi vải cho lò luyện và giếng đứng, góp phần cải thiện hiệu suất thu hồi, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Công ty cũng tập trung cải thiện môi trường làm việc và nâng cao tay nghề công nhân. Việc đầu tư trang thiết bị hiện đại không chỉ giúp tăng năng suất mà còn rút ngắn thời gian sản xuất, đảm bảo an toàn lao động và nâng cao hiệu suất vận hành của các dây chuyền sản xuất. Công tác điều phối phương tiện, máy móc và bố trí lao động hợp lý giúp duy trì kế hoạch sản xuất an toàn, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Ngoài ra, công tác xây dựng và sửa chữa hạ tầng sản xuất cũng được triển khai đồng bộ, bao gồm hệ thống lò thiêu luyện, trạm xử lý khí thải, hệ thống cân và các công trình phụ trợ khác.

Với những kết quả ấn tượng trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra. Thành công này là minh chứng cho sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ, công nhân viên, cũng như chiến lược quản lý và điều hành hiệu quả của Ban lãnh đạo Công ty.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	Giá trị tăng trưởng	% Tăng trưởng
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>162.956</b>	<b>343.844</b>	<b>180.888</b>	<b>111,0%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.051	105.181	82.130	356,3%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	94.000	202.700	108.700	115,6%
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.111	12.117	1.006	9,1%
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.017	4.587	(2.430)	-34,6%
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(726)	(726)	-	0,0%
Hàng tồn kho	34.693	23.846	(10.847)	-31,3%
Tài sản ngắn hạn khác	101	-	(101)	-100,0%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>75.886</b>	<b>81.017</b>	<b>5.131</b>	<b>6,8%</b>
Các khoản phải thu dài hạn	3.159	3.730	571	18,1%
Tài sản cố định	14.499	17.809	3.310	22,8%
Tài sản dở dang dài hạn	10.476	11.933	1.457	13,9%
Đầu tư tài chính dài hạn	46.370	46.864	494	1,1%
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.757	-	(12.757)	-100,0%
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	69.470	69.470	-	0,0%
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(41.857)	(28.606)	13.251	-31,7%
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>1.381</b>	<b>681</b>	<b>(700)</b>	<b>-50,7%</b>
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>238.841</b>	<b>424.861</b>	<b>186.020</b>	<b>77,9%</b>



Tổng tài sản của Công ty đến ngày 31/12/2024 đạt **424,86 tỷ đồng**, tăng **186,02 tỷ đồng (77,9%)** so với năm 2023. Trong đó, tài sản ngắn hạn có sự tăng trưởng mạnh mẽ, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, trong khi tài sản dài hạn tăng trưởng ở mức thấp hơn.

Nhìn chung, Công ty đã có sự mở rộng mạnh về quy mô tài sản, đặc biệt là tài sản ngắn hạn, cho thấy khả năng tài chính vững chắc và dòng tiền dồi dào. Việc kiểm soát tốt hàng tồn kho và nợ phải thu giúp công ty cải thiện dòng tiền và giảm thiểu rủi ro tài chính. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đang thực hiện trích lập 726 triệu đồng dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi. Tăng trưởng tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn chứng tỏ công ty tiếp tục mở rộng sản xuất và đầu tư vào hạ tầng, tạo nền tảng cho sự phát triển trong tương lai. Rút vốn khỏi các khoản đầu tư dài hạn là một động thái chiến lược nhằm tối ưu hóa nguồn vốn và tập trung vào các mảng kinh doanh cốt lõi.

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, 2024



## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2023	2024	Giá trị tăng trưởng	% Tăng trưởng
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>28.377</b>	<b>68.870</b>	<b>40.493</b>	<b>142,7%</b>
Phải trả cho người bán	7.533	9.224	1.692	22,4%
Thuế và các khoản phải nộp NN	6.321	18.746	12.425	196,6%
Phải trả người lao động	5.050	10.314	5.264	104,2%
Chi phí phải trả	75	75	-	0%
Phải trả ngắn hạn khác	8.455	15.691	7.236	85,6%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	0	-	N/a
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	943	14.820	13.877	1471,6%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>12.933</b>	<b>12.830</b>	<b>(103)</b>	<b>-0,8%</b>
Phải trả dài hạn khác	9	9	-	N/a
Dự phòng phải trả dài hạn	12.924	12.821	(103)	-0,8%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>41.311</b>	<b>81.700</b>	<b>40.389</b>	<b>97,8%</b>

Tổng nợ phải trả của Công ty tại thời điểm **31/12/2024** là **81,7 tỷ đồng**, tăng **40,39 tỷ đồng (97,8%)** so với năm 2023. Sự gia tăng chủ yếu đến từ **nợ ngắn hạn**, trong khi **nợ dài hạn có xu hướng giảm nhẹ**. Nhìn chung, việc gia tăng nợ ngắn hạn mạnh mẽ có thể phản ánh sự mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, đặc biệt là việc tăng chi phí mua hàng, thuế phải nộp, lương nhân viên và quỹ phúc lợi. Tăng trưởng mạnh của quỹ khen thưởng, phúc lợi cho thấy công ty đang có chính sách đãi ngộ tốt hơn cho nhân viên, phù hợp với việc mở rộng sản xuất và gia tăng lợi nhuận. Sự ổn định của nợ dài hạn cho thấy công ty không phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để tài trợ cho hoạt động. Nợ dài hạn của Công ty chủ yếu được cấu thành bởi khoản mục Dự phòng phải trả dài hạn, bao gồm 9,85 tỷ đồng dự phòng chi phí phục hồi môi trường mỏ Antimon Mậu Duệ đến năm 2026 và 2,97 tỷ đồng ký quỹ phục hồi môi trường bãi thải 1 - mỏ Antimon Mậu Duệ đến năm 2026. Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn tại 31/12/2024

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, 2024

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Qua nhiều năm hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty ngày càng phát triển lớn mạnh trên nhiều phương diện. Vốn điều lệ hiện tại là 126 tỷ đồng, tăng từ mức 10 tỷ đồng của năm 2006. Tổng tài sản cuối năm đạt 424,86 tỷ đồng, tăng 77,9% so với năm 2023. Số lượng lao động đến cuối 31/12/2024 là 141 người.

Nhằm tinh giản bộ máy quản lý gián tiếp, nâng cao hiệu quả chi phí, Ban Giám đốc Công ty đã rà soát lại cơ cấu tổ chức, bố trí lại việc làm phù hợp, tuyển dụng đào tạo mới công nhân để tăng cường hiệu quả sản xuất. Đồng thời để thực hiện theo dõi sát sao hơn đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty.





## PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2025

### Kế hoạch hoạt động năm 2025

Dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025
1	Khai thác quặng Antimon	Tấn	5.000
2	Sản xuất kim loại Antimon	Tấn	500
3	Tiêu thụ kim loại Antimon	Tấn	550
4	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	400
5	Lợi nhuận trước thuế (Chưa trích lập khoản dự phòng đầu tư tài chính)	Tỷ đồng	248
6	Tỷ lệ cổ tức (bằng tiền)	%	≥50%

### Các giải pháp thực hiện

#### Giải pháp về sản xuất khai thác và thiêu luyện

Tổ chức tốt công tác khai thác đảm bảo kỹ thuật theo phương án thiết kế, sử dụng biện pháp phù hợp, tính đến hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên, tránh làm nghèo hóa quặng; cung cấp đủ quặng theo kế hoạch  $\geq 5.000$  tấn quặng; Quản lý công tác giám sát nâng cao công tác bởi tuyển. Giảm tỷ lệ đất đá lẫn trong thành phẩm  $\leq 8\%$ . Tổ chức duy trì sản xuất thiêu và luyện liên tục, đúng quy trình đã thực hiện năm 2025, chú trọng công tác cải tiến kỹ thuật nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất thu hồi, giảm hàm lượng Antimon trong xỉ thải tới mức thấp nhất. Duy trì công tác phân loại quặng trước khi đưa vào thiêu để đảm bảo hiệu suất thu hồi, giảm chi phí nguyên vật liệu, nhân công.

#### Giải pháp về công tác ATLĐ và môi trường

Đảm bảo công tác môi trường, an toàn lao động và tuân thủ các quy định của Pháp luật về bảo hộ lao động, về môi trường theo các nội dung quản lý theo giấy phép môi trường đã được cấp.

#### Giải pháp về quản lý và điều hành

Cán bộ lãnh đạo, quản lý phải tăng cường đi cơ sở và cụ thể hoá nhiệm vụ của bộ phận mình phụ trách. Tập trung lãnh chỉ đạo vào những nhiệm vụ trọng tâm của năm; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng nguyên nhiên vật liệu, vật tư, công cụ dụng cụ đảm bảo sử dụng đúng định mức, tiết kiệm tiêu hao vật tư, tiết kiệm chi phí hạ giá thành sản phẩm; Đảm bảo nguồn nguyên liệu sản xuất. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tất cả các khâu sản xuất, công tác quản lý, tiết kiệm vật tư nguyên nhiên vật liệu.

#### Giải pháp về tài chính

Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra giám sát việc tuân thủ các định mức, rà soát bổ sung các quy định về định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu; Tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, thực hiện việc lập kế hoạch chi phí cho các bộ phận, cắt giảm các chi phí không cần thiết, đầu tư không hiệu quả; Lựa chọn các ngân hàng uy tín để đàm phán, thỏa thuận về lãi suất tiền gửi và tỷ giá quy đổi ngoại tệ.

#### Giải pháp về nguồn nhân lực

Tiếp tục rà soát, bố trí lại nhân lực cho phù hợp để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, tay nghề cho cán bộ và người lao động đảm bảo yêu cầu hiện nay. Quan tâm đến đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý kế cận để có nguồn thay thế trước mắt và lâu dài. Tuyển dụng nhân lực có trình độ với ngành nghề của công ty. Bổ sung, chỉnh sửa các định mức lao động, đơn giá lương khoán cho phù hợp và đảm bảo thu nhập kích lệ người lao động trong sản xuất. Thực hiện cơ chế khen thưởng - kỷ luật kịp thời. Tiếp tục công tác đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn cho cán bộ quản lý và người lao động. Tuyển dụng thêm lao động có trình độ và lao động phổ thông cho Công ty.

#### Giải pháp về công nghệ và kỹ thuật

Xây dựng các phương án sản xuất phù hợp. Kế hoạch thiêu, luyện đảm bảo thời gian số ngày tối đa sản xuất, có kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị phù hợp với kế hoạch sản xuất 500 tấn kim loại, phân bổ sản xuất đều các quý. Tiếp tục nghiên cứu áp dụng các quy trình thao tác kỹ thuật để nâng cao hiệu suất thu hồi, giảm tiêu hao nguyên liệu so định mức. Đẩy nhanh các tiến độ dự án nâng cấp trữ lượng mỏ, hoàn thiện các thủ tục về pháp lý về mỏ để đảm bảo hoạt động của mỏ đáp ứng năng lực khai thác.

#### Giải pháp về thị trường

Giữ uy tín với khách hàng về chất lượng sản phẩm và dịch vụ bán hàng. Chú trọng trong các điều khoản của hợp đồng, tránh xảy ra tranh chấp sau khi ký hợp đồng, điều kiện thanh toán tránh rủi ro. Cần nghiên cứu thị trường, nắm bắt được thời cơ về giá, cân đối lượng hàng hóa, nhằm đem lại lợi nhuận tối ưu nhất cho Công ty. Năm 2025 dự kiến thị trường kim loại ở mức giá cao và thiếu hụt nguồn hàng do thị trường Trung Quốc hạn chế xuất khẩu. Do vậy lượng hàng của Công ty chưa đáp ứng được hết khách hàng. Vậy ta cần lựa chọn khách hàng có các chi phí thấp và an toàn đảm bảo lợi nhuận tối ưu nhất cho Công ty.



## ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn nỗ lực thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường với phương châm phát triển bền vững, gắn liền với trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng.

Công ty chú trọng thực hiện các biện pháp tái sử dụng nguyên vật liệu, đồng thời tăng cường xử lý chất thải và nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt theo đúng quy định pháp luật. Định kỳ hàng quý, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang tiến hành quan trắc, kiểm tra chất lượng nước thải, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Công ty tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên, khuyến khích tinh thần tự giác và đưa bảo vệ môi trường trở thành một phần không thể tách rời trong quy trình sản xuất.ất.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội, đồng thời hỗ trợ địa phương trong nhiều lĩnh vực như giáo dục, giúp đỡ hộ nghèo, phát triển hạ tầng và đóng góp cho các quỹ từ thiện. Với tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng, Công ty luôn coi đây là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững và cam kết gắn kết chặt chẽ với địa phương trong quá trình hoạt động.

Chính sách dành cho người lao động tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được thực hiện bài bản, đầy đủ và hợp lý, tạo môi trường làm việc ổn định, an toàn và có nhiều cơ hội phát triển. Những chính sách về phúc lợi, đào tạo, an toàn lao động và đảm bảo an sinh giúp người lao động an tâm làm việc, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong năm 2024, lực lượng lao động được tiếp tục duy trì ổn định. Nguồn lao động dồi dào sẵn sàng tại địa phương là lợi thế giúp công ty tuyển dụng tăng cường mở rộng sản xuất khi cần. Tuy nhiên, lao động có trình độ tại địa phương khó tuyển dụng do vậy cần có chính sách phù hợp để đảm bảo thu hút được lao động có trình độ và tránh tình trạng người lao động nghỉ việc ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất.

### Đánh giá liên quan đến người lao động và an toàn lao động





# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (5)



Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

A - H



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Về kết quả sản xuất kinh doanh

ĐHQT đã triển khai đồng bộ và quyết liệt các giải pháp ngay từ đầu năm, hoạt động điều hành bám sát diễn biến hoạt động của Công ty và của thị trường, cùng sự cố gắng nỗ lực của người lao động, kết quả đạt được trong năm 2024 là tương đối khả quan, một số các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản như sau: (Chi tiết xem tại BCTC đã kiểm toán).

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh thực hiện (%)	
					So KH cả năm	So cùng kỳ 2023
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ	181	370,45	204,66	210,86
2	Sản phẩm tiêu thụ	Tấn	680	756,34	111,23	115,07
3	Sản xuất Kim loại	Tấn	500	684,7	136,94	109,95
4	Khai thác nguyên liệu	Tấn	5.000	6.222	124,44	120,36
5	Lao động	Người	-	142	N/a	N/a
6	Thu nhập bình quân	Triệu	-	22,16	N/a	126,63
7	Nộp ngân sách	Tỷ	-	76	N/a	251,49
8	Lợi nhuận trước thuế chưa trích lập dự phòng(*)	Tỷ	50	242	484,00	345,71
9	Cổ tức bằng tiền (**)	%	≥ 15	50	-	-

(\*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/03/2024 thì Lợi nhuận trước thuế năm 2024 là 50 tỷ chưa bao gồm các khoản trích lập dự phòng tài chính.

(\*\*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thông qua ngày 28/03/2024 thì cổ tức năm 2024 là ≥15%, Công ty đã tạm ứng đợt 1/2024 là 20% và tạm ứng đợt 2/2024 là 30%.

### Về kết quả thực hiện các dự án đầu tư năm 2024

Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2024 có 5 hạng mục đầu tư, cụ thể:

STT	Hạng mục đầu tư	Khai toán	Giá trị thực hiện
1	Dự án điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản	8 tỷ	1,15 tỷ
2	Chi phí nghiên cứu đầu tư công nghệ tuyển quặng	2 tỷ	377 triệu
3	Sửa chữa hệ thống lò luyện và thiêu	2 tỷ	0,9 tỷ
4	Đầu tư máy móc thiết bị (máy xúc bánh lốp, xe tải 3,5 tấn, xe 4 chỗ văn phòng)	6 tỷ	6,94 tỷ
5	Nhà văn phòng làm việc, nhà ở văn phòng phân xưởng khai thác	2 tỷ	1,5 tỷ
<b>Tổng cộng</b>		<b>20 tỷ</b>	<b>10,87 tỷ</b>

#### Dự án điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

Hoàn thành bổ sung diện tích đất vào quy hoạch sử dụng đất hoạt động khoáng sản đến năm 2030 của huyện Yên Minh. Hoàn thành công tác khảo sát địa hình khu vực xưởng tuyển. Thống nhất được tổng mặt bằng dự án điều chỉnh, hoàn thiện báo cáo nghiên cứu khả thi thiết kế chờ thẩm định.

#### Nghiên cứu đầu tư dây chuyền tuyển quặng

Thăm quan và làm việc tìm hiểu công nghệ, kỹ thuật tuyển quặng, thảo luận những vấn đề liên quan đến dự án dây chuyền. Thống nhất bổ sung thông tin số liệu để phục vụ dự án.

#### Sửa chữa hệ thống lò luyện và thiêu

Đã hoàn thành xây dựng mới lò Luyện; còn 02 lò thiêu đã chủ động sửa chữa, khắc phục để đảm bảo sản xuất liên tục cho đến hết năm. Việc xây mới 02 lò thiêu hoàn thành sẵn sàng đưa vào sản xuất ngay sau kỳ nghỉ tết, đảm bảo kế hoạch sản xuất của năm 2025.

#### Đầu tư máy móc thiết bị (máy xúc bánh lốp, xe tải 3,5 tấn, xe 4 chỗ văn phòng)

Đầu tư máy móc thiết bị theo kế hoạch gồm: máy xúc bánh lốp, máy ủi, xe tải 3,5 tấn, xe 4 chỗ văn phòng; Việc đầu tư đã góp phần không nhỏ trong việc thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất của Công ty, đảm bảo tính hiệu quả trong đầu tư.

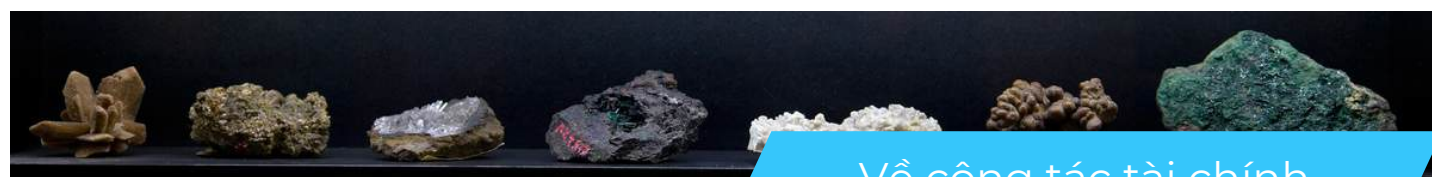
#### Nhà văn phòng làm việc, nhà ở văn phòng phân xưởng khai thác

Hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Đã tiến hành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12/2024. Hiện còn một số hạng mục phụ trợ đang tiếp tục hoàn thiện.



## Về công tác tổ chức sản xuất

Trong năm 2024, Công ty đã tổ chức khai thác quặng antimon đạt 103,7% kế hoạch đề ra. Sản phẩm Kim loại chế biến đạt 684,7 tấn kim loại đạt 114,11% so với kế hoạch.



## Về công tác tài chính

Nguồn tiền chủ yếu được gửi kỳ hạn 1, 6 và 12 tháng tại các ngân hàng uy tín như BIDV, Vietinbank tại Hà Giang và Hà Nội. Công ty thực hiện đúng các quy định hiện hành, việc quy đổi ngoại tệ, tiền gửi có kỳ hạn giữa các ngân hàng đều có tính cạnh tranh, mang lại hiệu quả và bảo toàn vốn cho công ty. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 đạt gần 11,0 tỷ đồng.

Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Trong năm, Công ty hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính đối với vốn góp tại **Công ty Cổ phần gang thép Cao Bằng (CBI)**. Tỷ lệ sở hữu của HGM tại CBI là **9,69%**

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh TH/KH
-----	----------	-------------------	--------------------	---------------

1	Doanh thu	3.056	2.188	71,59%
---	-----------	-------	-------	--------

2	Lợi nhuận sau thuế	5	-150	n/a
---	--------------------	---	------	-----

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần gang thép Cao Bằng năm 2024 về doanh thu, lợi nhuận thực hiện không hoàn thành so với kế hoạch đề ra, chủ yếu do nguyên nhân liên quan tới giá bán, sản lượng tiêu thụ giảm. Tuy nhiên trong năm Công ty tiến hành hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính trên cơ sở giá trị cổ phiếu của CBI trên thị trường UPCOM.



## Về công tác nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân lao động tính đến ngày 31/12/2024: là 141 người. Công ty tiếp tục duy trì ổn định ở nhiều bộ phận, tăng cường công tác đào tạo bổ sung thêm cán bộ quản lý từ lao động có kinh nghiệm tay nghề lâu năm để giám sát điều hành sản xuất. Việc thu hút, giữ chân lao động có trình độ và tay nghề còn gặp nhiều khó khăn do tính chất công việc, điều kiện địa bàn xa xôi và chính sách chế độ còn hạn chế.

Hiện nay, công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động đang được thực hiện như sau:

- Công ty đảm bảo việc làm và ký hợp đồng lao động cho 100% người lao động theo quy định; đóng nộp đầy đủ các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.
- Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, chế độ trả lương, tiền thưởng, các loại phụ cấp và chế độ nâng bậc lương được thực hiện đúng quy định; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động và phương tiện an toàn cho người lao động.
- Công tác an toàn, vệ sinh lao động được trú trọng và thực hiện tốt. Trong năm không để xảy ra những vụ việc mất an toàn nghiêm trọng nào. Tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho 100% cán bộ công nhân viên, người lao động.
- Tổ chức cho cán bộ quản lý cấp phòng, phân xưởng đi bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cấp trung. Duy trì thường xuyên công tác thăm quan nghỉ mát phục hồi sức lao động cho NLĐ
- Thăm hỏi, động viên, tặng quà nhân các dịp ngày Lễ, Tết trong năm.





## Về công tác an toàn lao động và bảo vệ môi trường

### AN TOÀN LAO ĐỘNG

Chấp hành các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động theo như đã cam kết, tăng cường hoạt động của bộ phận an toàn lao động, xây dựng kế hoạch và trang bị đầy đủ bảo hộ cho người lao động. Tập huấn an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

Chi trả đầy đủ, kịp thời các chế độ tiền lương cho người lao động. Xét duyệt nâng lương, nâng bậc theo đúng quy định. Chi trả các khoản đóng nộp chế độ cho người lao động đầy đủ, kịp thời. Thanh toán các chế độ đúng theo quy định.

Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai, minh bạch các chế độ chính sách, các hoạt động quản lý, điều hành của Công ty.



### BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2024 các công trình môi trường phục vụ cho việc lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường theo quy định của Công ty như hệ thống trạm xử lý khí thải, hồ chứa nước mặt khai trường và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại phân xưởng khai thác và phân xưởng luyện hoạt động tốt. Đây là một hợp phần theo Giấy phép môi trường Số 245/GPMT-BTNMT do Bộ Tài nguyên và môi trường cấp ngày 4/7/2024.

Thực hiện đúng các quy định, quy trình, thủ tục trong quản lý hoạt động sản xuất, trong đầu tư xây dựng cơ bản và sử dụng lao động, các nguồn lực khác của Công ty theo luật doanh nghiệp, các luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Thực hiện các quy định của pháp luật về báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, trong lĩnh vực hoạt động khai thác khoáng sản, chế biến khoáng sản theo yêu cầu đúng quy định;

Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản. Thực hiện trồng cây xanh và cải tạo cảnh quan bảo vệ môi trường ở khu vực mỏ theo yêu cầu của các ngành chức năng. Đảm bảo tốt về an toàn trong lao động.

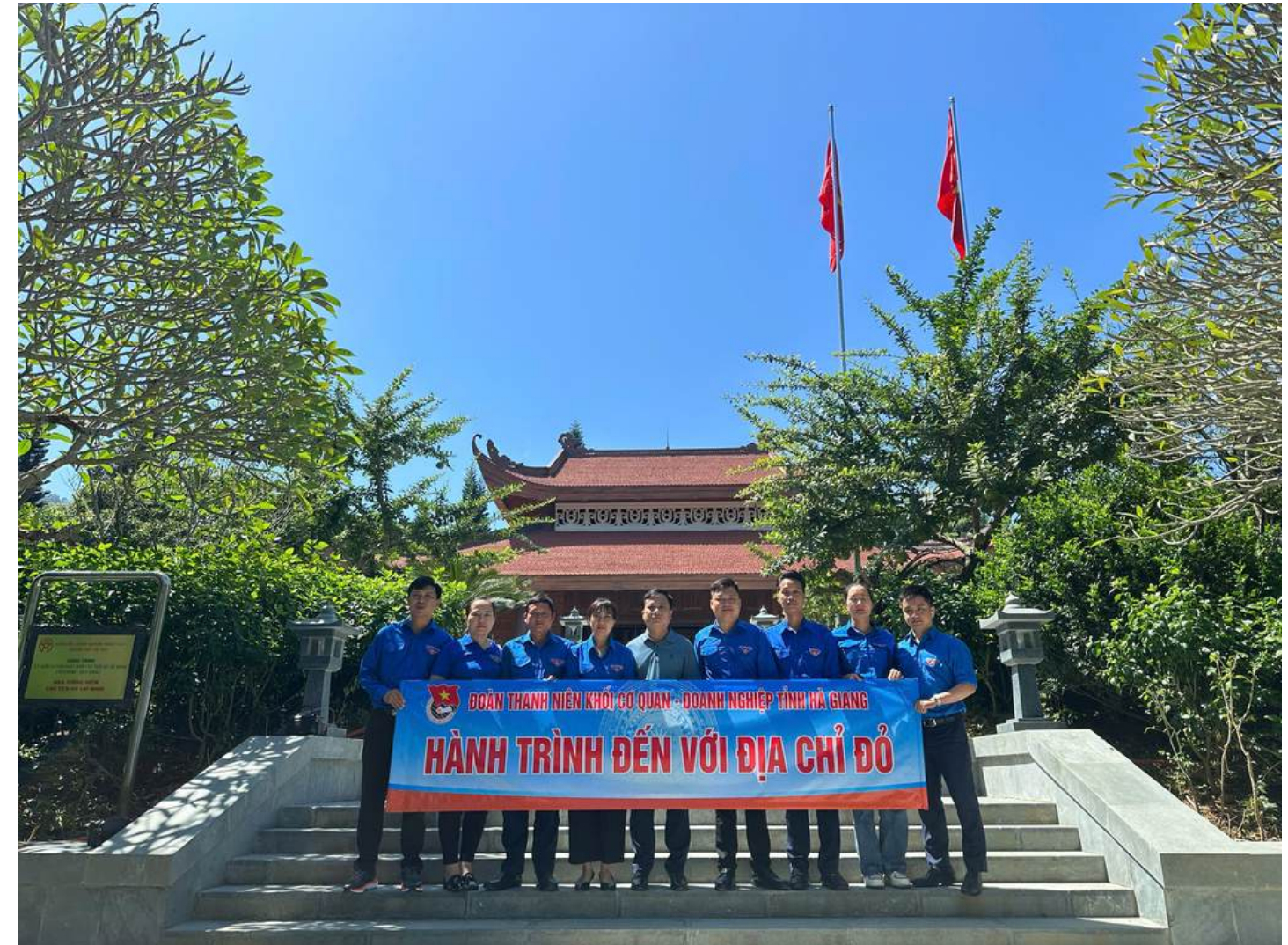
### VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

HĐQT luôn luôn đặt mối quan tâm hàng đầu tới việc sản xuất bền vững do vậy các chỉ đạo Công ty về việc bảo vệ cảnh quan giảm thải ra môi trường được chú trọng. Trong tổ chức sản xuất đã áp dụng nhiều biện pháp an toàn, vệ sinh lao động.

Tuân thủ chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản. Thực hiện trồng cây xanh và cải tạo cảnh quan môi trường khu vực mỏ theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

Trong năm 2024 Công ty đã thực hiện được một số công việc về an sinh xã hội và hỗ trợ địa phương trong các lĩnh vực như giáo dục, hỗ trợ hộ nghèo, xây dựng hạ tầng cho địa phương, hỗ trợ làm nhà cho người nghèo và ủng hộ cho các quỹ từ thiện của trong và ngoài địa phương. Tổng các chi phí thực hiện cho xã được giao nhiệm vụ đỡ đầu, xã có cơ sở sản xuất của Công ty và các chương trình khác tính cả năm 2024 là 3,05 tỷ đồng.

Ngoài ra các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã thường xuyên tuyên truyền, vận động cán bộ, người lao động thực hiện tốt công tác từ thiện nhân đạo, hiến máu tình nguyện.







## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chỉ đạo quyết liệt trong công tác đầu tư, tiết giảm chi phí, nắm chắc diễn biến thị trường tiêu thụ, rà soát xây dựng lại cơ chế sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng nội địa. Hội đồng quản trị theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc điều hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc; Xây dựng hành lang pháp lý cho Ban giám đốc triển khai thực hiện thông qua các quy chế, quy định phù hợp với công ty.

Nhìn chung năm 2024, Ban giám đốc và người quản lý doanh nghiệp đã thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các chỉ đạo, quyết định của HĐQT.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

### Định hướng phát triển

Để Công ty phát triển một cách bền vững và khoa học, ngoài việc cần duy trì sản xuất thì phải tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý và xây dựng cơ bản về khai thác và chế biến. Điều chỉnh Giấy phép khai thác với trữ lượng mới và tiến hành xây dựng cơ bản mỏ.

HĐQT định hướng cho Ban Giám đốc tiếp tục thực hiện sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững, tận dụng tài nguyên, cơ cấu sản phẩm theo hướng hiệu quả, phát triển thị trường tiêu thụ theo hướng đa dạng, đổi mới quản trị và quản lý hiệu quả để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh.

### Kế hoạch phát triển

Trong thời gian tới Công ty tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý điều chỉnh Giấy phép khai thác với trữ lượng mới và tiến hành xây dựng cơ bản mỏ. Do vậy việc phải cắt giảm nguyên liệu và sản lượng kim loại để phục vụ việc bốc xúc mở rộng khu vực khai thác.

### Công tác chỉ đạo điều hành

Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc Công ty.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Đối với công tác hỗ trợ địa phương năm 2025 HĐQT định hướng Công ty tiếp tục tập trung theo chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Hà Giang.



06

QUẢN TRỊ CÔNG TY



Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS, BTGD

Tăng cường quản trị công ty





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ đại diện sở hữu (%)
Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT - Không điều hành	Sở hữu cá nhân: 399.800	3,17
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó chủ tịch HĐQT - Không điều hành	Đại diện Nhà nước: 2.205.000	17,5
Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên - Không điều hành	Đại diện Nhà nước: 2.205.000	17,5
Ông Đỗ Khắc Hùng	Thành viên - Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 28.000 Đại diện Nhà nước: 1.466.280	11,86
Ông Tạ Hồng Thắng	Thành viên - TVHĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 32.400	0,26
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên - TVHĐQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 70.100	0,56
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên - Phó GĐ	Sở hữu cá nhân: 245.200	1,94

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2024: Không có





## Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

### Tiểu ban phụ trách các dự án đầu tư

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó chủ tịch HĐQT - Ủy viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc - Ủy viên
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc - Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc - Ủy viên
Ông Vũ Thắng Bình	Phó Giám đốc - Ủy viên

### Tiểu ban phụ trách khai thác và thiêu luyện

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT - Ủy viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc - Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc - Ủy viên
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc - Ủy viên
Ông Trịnh Văn Trường	Quản đốc phân xưởng Luyện - Ủy viên
Ông Đào Văn Cảnh	Quản đốc phân xưởng Khai thác - Ủy viên
Ông Văn Quốc Tân	Phó phòng kế hoạch kỹ thuật - Ủy viên

### Tiểu ban phụ trách kế hoạch tài chính

Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên HĐQT - Ủy viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc - Ủy viên
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc - Ủy viên
Bà Hoàng Lê Khanh	Kế toán trưởng - Ủy viên
Bà Vũ Thị Vui	Phó phòng kế hoạch kỹ thuật - Ủy viên

### Tiểu ban phụ trách tiêu thụ sản phẩm và đối ngoại

Ông Phạm Thành Đô	Phó Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên HĐQT - Ủy viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc - Ủy viên
Ông Vũ Thắng Bình	Phó Giám đốc - Ủy viên
Bà Vũ Thị Vui	Phó phòng kế hoạch kỹ thuật - Ủy viên



## Hoạt động của HĐQT

### Tình hình tham dự các cuộc họp của HĐQT

Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Ông Phạm Thành Đô	4/4	100%	
Ông Nguyễn Việt Phương	3/4	75%	Vắng đi công tác
Ông Trần Nguyên Nam	3/4	75%	Vắng đi công tác
Ông Đỗ Khắc Hùng	4/4	100%	
Ông Tạ Hồng Thắng	2/4	50%	Vắng đi công tác
Ông Nguyễn Trung Hiếu	4/4	100%	
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	4/4	100%	

### Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã triệu tập và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 28/03/2024.

Đồng thời Hội đồng quản trị đã duy trì tổ chức họp định kỳ 01 lần/quý, bằng hình thức họp trực tiếp, trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Tổng số buổi họp trong năm của HĐQT là 04 buổi. Các nội dung, thành phần tham dự họp Hội đồng quản trị theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Công ty để triển khai thực hiện. Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành 29 Quyết định và 16 nghị quyết HĐQT. Chi tiết nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong năm và tỷ lệ biểu quyết thông qua được Công ty thể hiện trong Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2024.

Các thành viên HĐQT đã tích cực phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, thường xuyên cử thành viên HĐQT đại diện tham dự các cuộc họp với Ban Giám đốc để nghe báo cáo tình hình hoạt động tổ chức và kinh doanh, có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các quyết định. Do đó HĐQT luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất, chấp thuận cao của các thành viên.

### Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

HĐQT thường xuyên theo dõi và chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra các vấn đề;

Triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện;

HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty;

Kiểm tra, giám sát việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tính đến 31/12/2024, CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là ông Tạ Hồng Thắng và ông Nguyễn Trung Hiếu. Trong năm 2024, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao với tinh thần cẩn trọng và trách nhiệm cao, phát huy vai trò độc lập trong việc thực hiện công tác quản lý, giám sát thông qua hoạt động của các tiểu ban, chuyên đề kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban Giám đốc cũng như tại các phiên họp HĐQT.

### Đào tạo về Quản trị Công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị chủ động tự nghiên cứu, tìm hiểu các vấn đề về quản trị công ty.

Trong năm, Hội đồng quản trị cử ông Đào Minh Tân đại diện tham dự hội thảo Hướng dẫn sử dụng Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tham gia tổ chức. Tham gia khoá đào tạo Kiểm toán nội bộ tại Hà Nội.





## BAN KIỂM SOÁT

### Thông tin về thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/ đại diện sở hữu (%)
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng BKS	-	-
Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên BKS	-	-
Ông Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên BKS	200	0,0016

### Hoạt động của Ban kiểm soát

Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	4/4	100%	100%	
Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	4/4	100%	100%	
Ông Nguyễn Hữu Trọng	3/4	75%	100%	Vắng đi công tác

### Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông.

Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đóng góp ý kiến theo chức năng và thẩm quyền.

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và năm do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện.

Ban kiểm soát đã tiến hành rà soát điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan.

Ban kiểm soát đánh giá Ban điều hành đã và đang nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 và các quyết định của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hay nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty.

### Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT, ban điều hành và các cán bộ quản lý khác trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trong tổ chức sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị cung cấp kịp thời đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định.

Ban Giám đốc và các bộ phận phòng ban chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát khi có yêu cầu.



## GIAO DỊCH VÀ THU LAO HĐQT, BKS, BGĐ

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác trong năm

TT	Thành viên	Chức danh	Tổng cộng lương, thưởng, thù lao
1	Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	539.000.000
2	Nguyễn Việt Phương	Phó.CT HĐQT	115.000.000
3	Trần Nguyên Nam	Thành viên HĐQT	115.000.000
4	Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	345.000.000
5	Tạ Hồng Thăng	Thành viên HĐQT	345.000.000
6	Đỗ Khắc Hùng	Thành viên HĐQT-GĐ	1.846.103.900
7	Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT-PGĐ	1.349.524.400
8	Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc Công ty	1.248.123.000
9	Vũ Thăng Bình	Phó GĐ Công ty -GĐ CNHN	1.161.222.250
10	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng BKS	575.000.000
11	Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên BKS	519.000.000
12	Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên BKS	79.000.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Tỷ lệ sở hữu/ đại diện sở hữu (%)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Đào Xuân Tuât	Bố đẻ ông Đào Minh Tân – Người phụ trách quản trị Công ty	56.500	0,448	10.000	0,079	Nhu cầu tài chính gia đình
Đào Xuân Tuât	Bố đẻ ông Đào Minh Tân – Người phụ trách quản trị Công ty	10.000	0,079	0	0	Nhu cầu tài chính gia đình
Đỗ Khắc Hùng	Thành viên HĐQT – Giám đốc	78.000	0,619	28.000	0,222	Nhu cầu tài chính cá nhân

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ của Công ty

Trong năm Công ty không phát sinh hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ của Công ty.



## TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã thực hiện đầy đủ và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty và công bố thông tin áp dụng với doanh nghiệp niêm yết: thực hiện và công bố đầy đủ Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng và cả năm 2024; Báo cáo cổ đông lớn; Việc công bố thông tin theo quy định luôn kịp thời về thông tin định kỳ cũng như bất thường của Công ty.

Người phụ trách quản trị Công ty thường xuyên cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các cơ quan ban ngành ban hành, kịp thời tham vấn cho Hội đồng quản trị để có sự chuẩn bị phù hợp và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.

Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được xây dựng bám sát quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.



### Nâng cao hiệu quả quản trị công ty

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả quản trị, trong năm 2024, Công ty tiếp tục tạo điều kiện để các cán bộ, nhân viên tham gia những chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản trị kết hợp với tăng cường đầu tư phát triển hệ thống quản trị hiện đại. Cụ thể:

#### 1. Đào tạo nhân sự

Công ty đã cử Trưởng ban kiểm soát và người phụ trách quản trị công ty tham dự khóa học kiểm toán nội bộ AIA.

#### 2. Quản trị tài chính - kế toán:

Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán ACMEN, một giải pháp chuyên nghiệp hỗ trợ quản lý tài chính và kế toán hiệu quả. Các tính năng chính của ACMEN bao gồm: Tự động hóa quy trình kế toán, giúp ghi nhận giao dịch nhanh chóng và chính xác; Quản lý công nợ, thuế, hóa đơn điện tử theo quy định pháp luật; Tích hợp báo cáo tài chính giúp ban lãnh đạo theo dõi tình hình tài chính theo thời gian thực; Bảo mật dữ liệu cao, đảm bảo an toàn cho hệ thống kế toán của công ty.

#### Hiệu quả thực hiện

- Giảm thiểu sai sót trong quá trình ghi chép và lập báo cáo tài chính.
- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, giúp kế toán viên tiết kiệm thời gian làm việc.
- Nâng cao tính minh bạch, đáp ứng tốt các yêu cầu báo cáo thuế và kiểm toán.
- Tối ưu hóa công tác quản lý tài chính, giúp công ty dễ dàng kiểm soát dòng tiền và tối ưu chi phí.

#### Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản trị tài chính – kế toán

- Công ty hiện đang có kế hoạch nâng cấp phiên bản ACMEN mới nhất để tận dụng các tính năng hiện đại hơn. Tích hợp ACMEN với hệ thống ERP để đồng bộ hóa dữ liệu tài chính với các bộ phận khác.
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào phân tích tài chính, giúp dự báo xu hướng và tối ưu dòng tiền.
- Đào tạo nhân sự kế toán để khai thác tối đa các tính năng của ACMEN, nâng cao hiệu suất làm việc.

### 3. Quản trị nhân sự

Công ty đang áp dụng hệ thống quản trị nhân sự kết hợp giữa phương pháp truyền thống và công nghệ hiện đại. Các quy trình nhân sự như tuyển dụng, đào tạo, đánh giá hiệu suất và quản lý lương thưởng được thực hiện theo quy trình chuẩn, có sự giám sát chặt chẽ từ phòng nhân sự và ban lãnh đạo. Công ty hiện đang sử dụng phần mềm quản trị nhân sự để hỗ trợ các hoạt động như:

- Về quản lý hồ sơ nhân sự, Công ty sử dụng phần mềm Microsoft Office và iOffice của VNPT nhằm hỗ trợ lưu trữ thông tin nhân viên, hợp đồng lao động, gửi các công văn, chấm công và tính lương
- Dùng hệ thống khai thuế của tổng cục thuế để đóng thuế và các khoản bảo hiểm.

#### Hiệu quả thực hiện

Việc ứng dụng công nghệ trong quản trị nhân sự đã giúp công ty tối ưu quy trình, tiết kiệm thời gian, nâng cao độ chính xác trong quản lý hồ sơ và tính toán lương thưởng. Hệ thống này cũng giúp tăng cường tính minh bạch và cải thiện trải nghiệm của nhân viên. Tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức như:

- Một số nhân viên chưa quen với việc sử dụng phần mềm, cần thêm thời gian đào tạo.
- Cần cải thiện khả năng tích hợp hệ thống với các phần mềm khác của công ty.

#### Kế hoạch nâng cao hiệu quả quản trị nhân sự

- Trong thời gian tới, công ty có kế hoạch nâng cấp phần mềm quản lý nhân sự để tăng khả năng tự động hóa.
- Tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để nhân viên sử dụng phần mềm hiệu quả hơn.
- Tích hợp thêm các công cụ phân tích dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định nhân sự.
- Cải thiện chính sách đãi ngộ và môi trường làm việc để nâng cao sự gắn kết nhân viên.



#### 4. Quản trị quan hệ chất lượng

Công ty sử dụng quy trình ISO 9001:2015 để kiểm soát chất lượng sản phẩm. Quy trình kiểm soát chất lượng cụ thể như sau:

- Kiểm tra đầu vào: Nguyên vật liệu, linh kiện được kiểm tra trước khi đưa vào sản xuất.
- Kiểm soát trong quá trình sản xuất: Áp dụng các công đoạn kiểm tra định kỳ, đánh giá chất lượng sản phẩm trong từng giai đoạn.
- Kiểm tra đầu ra: Sản phẩm hoàn thiện được kiểm định theo các tiêu chuẩn quy định trước khi xuất xưởng.
- Phản hồi và cải tiến: Thu thập phản hồi từ khách hàng, đối tác để liên tục cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

##### Hiệu quả thực hiện

- Nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ lỗi, đảm bảo tính đồng nhất.
- Tăng sự hài lòng của khách hàng nhờ cung cấp sản phẩm đạt tiêu chuẩn.
- Tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường, an toàn lao động.
- Cải thiện năng suất, tối ưu hóa quy trình sản xuất và tiết kiệm chi phí.

##### Kế hoạch nâng cao hiệu quả quan hệ chất lượng

- Ứng dụng công nghệ 4.0 trong giám sát và kiểm soát chất lượng.
- Tăng cường đào tạo nhân viên về các tiêu chuẩn mới và kỹ năng kiểm soát chất lượng.
- Mở rộng phạm vi chứng nhận để nâng cao uy tín và khả năng cạnh tranh.
- Cải tiến hệ thống quản lý nhằm tối ưu hóa hiệu quả vận hành.







07

**BÁO CÁO TÀI  
CHÍNH**





## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 36

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được thành lập theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 08 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 03 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 01 tháng 06 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên
Ông Đỗ Khắc Hùng	Thành viên
Ông Trần Nguyễn Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Khắc Hùng	Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Vũ Thăng Bình	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Đỗ Khắc Hùng - Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Đỗ Khắc Hùng**  
Giám đốc

Hà Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025





Số: 040325.001/BCTC.KT3

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được lập ngày 03 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho giai đoạn 2008 - 2018 theo kết quả làm việc của Kiểm toán Nhà nước năm 2019.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2025

Lê Văn Hưng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 3953-2023-002-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	(Trình bày lại) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>343.844.060.919</b>	<b>162.955.703.480</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	105.181.201.313	23.051.370.309
111	1. Tiền		82.181.201.313	23.051.370.309
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	202.699.870.000	94.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		202.699.870.000	94.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.117.057.609	11.110.726.359
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.586.780.997	7.017.038.709
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.416.493.974	2.012.332.734
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.840.023.491	2.807.595.769
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(726.240.853)	(726.240.853)
140	IV. Hàng tồn kho	9	23.845.931.997	34.692.643.612
141	1. Hàng tồn kho		23.845.931.997	34.692.643.612
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	100.963.200
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	-	100.963.200
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>81.016.905.069</b>	<b>75.885.590.258</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.730.143.409	3.159.390.801
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.730.143.409	3.159.390.801
220	II. Tài sản cố định		17.808.565.434	14.498.989.898
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	13.931.432.850	9.271.072.137
222	- Nguyên giá		83.430.659.608	75.553.377.872
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.499.226.758)	(66.282.305.735)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.877.132.584	5.227.917.761
228	- Nguyên giá		46.168.552.193	46.168.552.193
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.291.419.609)	(40.940.634.432)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	11.932.719.736	10.476.210.583
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		11.932.719.736	10.476.210.583
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	46.864.262.320	46.370.140.720
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	12.756.900.240
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		69.469.880.000	69.469.880.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(28.605.617.680)	(41.856.639.520)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		681.214.170	1.380.858.256
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	681.214.170	1.380.858.256
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>424.860.965.988</b>	<b>238.841.293.738</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>81.700.126.334</b>	<b>41.310.671.026</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		68.870.256.361	28.377.182.803
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	9.224.219.533	7.532.721.016
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	18.745.730.781	6.321.422.349
314	3. Phải trả người lao động		10.314.207.063	5.050.387.524
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	75.000.000	75.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	15.690.765.274	8.454.947.409
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.820.333.710	942.704.505
330	II. Nợ dài hạn		12.829.869.973	12.933.488.223
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	9.000.000	9.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	18	12.820.869.973	12.924.488.223
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>343.160.839.654</b>	<b>197.530.622.712</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	343.160.839.654	197.530.622.712
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		126.000.000.000	126.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		126.000.000.000	126.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.478.311.977	4.500.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(42.833.907.079)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		50.000.000.000	50.000.000.000
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.103.464.642	1.103.464.642
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		156.579.063.035	58.761.065.149
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.781.133.433	18.572.607.744
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		148.797.929.602	40.188.457.405
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>424.860.965.988</b>	<b>238.841.293.738</b>

Hoàng Lê Khanh

Người lập biểu

Hà Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Hoàng Lê Khanh

Kế toán trưởng

Đỗ Khắc Hùng

Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	370.448.864.861	175.681.807.310
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		370.448.864.861	175.681.807.310
11	4. Giá vốn hàng bán	22	130.800.612.610	93.532.230.961
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		239.648.252.251	82.149.576.349
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	10.985.293.912	7.073.476.687
22	7. Chi phí tài chính	24	(11.072.969.232)	1.187.757.606
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	25	3.043.754.343	1.715.296.089
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.525.432.731	15.359.685.683
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		234.137.328.321	70.960.313.658
31	11. Thu nhập khác		-	292.612.727
32	12. Chi phí khác	27	4.352.114.326	1.906.491.218
40	13. Lợi nhuận khác		(4.352.114.326)	(1.613.878.491)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		229.785.213.995	69.346.435.167
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	46.629.498.624	14.494.669.478
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		183.155.715.371	54.851.765.689
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	14.394	4.371

Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu  
Hà Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025

Hoàng Lê Khanh  
Kế toán trưởng

Đỗ Khắc Hùng  
Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		229.785.213.995	69.346.435.167
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.567.706.200	5.716.817.397
03	- Các khoản dự phòng		(13.354.640.090)	800.702.346
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.848.442.388)	(175.437.578)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.488.347.444)	(6.189.994.742)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		210.661.490.273	69.498.522.590
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		135.026.047	(3.208.354.526)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		10.846.711.615	4.955.594.493
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.983.630.599	10.516.125.987
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		800.607.286	(658.683.435)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(34.997.684.870)	(5.942.833.095)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.537.568.280)	(14.494.651.300)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		197.892.212.670	60.665.720.714
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.333.790.889)	(3.686.034.142)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(202.699.870.000)	(100.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		94.000.000.000	69.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.260.438.900	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.272.698.879	6.574.279.672
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(98.500.523.110)	(28.111.754.470)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		47.812.219.056	-
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(66.922.520.000)	(29.801.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(19.110.300.944)	(29.801.800.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		80.281.388.616	2.752.166.244





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23.051.370.309	20.123.766.487
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.848.442.388	175.437.578
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	105.181.201.313	23.051.370.309

  
Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu  
Hà Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025

  
Hoàng Lê Khanh  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Khắc Hùng  
Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được thành lập theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 08 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 03 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 8 ngày 01 tháng 06 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 126.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 126.000.000.000 VND; tương đương 12.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 141 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 142 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và chế biến quặng Antimony.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng, kim loại quý hiếm.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Giá bán trung bình kim loại Antimon năm 2024 của Công ty tăng 83,24% so với năm 2023 do giá bán kim loại Antimon thế giới tăng, đồng thời sản lượng bán ra cũng tăng, điều này dẫn đến doanh thu năm 2024 tăng 110,86% tương ứng tăng 194,7 tỷ VND so với năm trước.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng Công ty  
Chi nhánh tại Hà Nội

Địa chỉ  
Hà Giang  
Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính  
Khai thác và chế biến quặng  
Phân phối thành phẩm kim loại  
Antimony

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

### 2.4. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng phải trả
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

### 2.5. Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### 2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Dự phòng được ước tính theo giá chứng khoán thực tế trên thị trường (giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố).
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### 2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Quyền sử dụng đất	10 - 48 năm
- Bản quyền, bằng sáng chế	03 năm
- Các tài sản cố định vô hình khác	05 năm

## Quyền khai thác mỏ Antimony và chi phí hoàn nguyên môi trường

Quyền khai thác mỏ Antimony và chi phí hoàn nguyên môi trường bao gồm quyền khai thác khoáng sản và chi phí hoàn nguyên môi trường.

Theo giấy phép khai thác khoáng sản số 3940/QĐ/ĐCKS ("Giấy phép") ngày 27 tháng 12 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được cấp quyền khai thác khoáng sản tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang trong vòng 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản này bao gồm tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp theo Quyết định số 3068/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc "Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Quặng Antimony tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang". Quyền khai thác khoáng sản được Công ty khấu hao dựa trên số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp hàng năm theo Thông báo của Cục thuế Hà Giang.

Chi phí hoàn nguyên môi trường là chi phí ước tính phải bỏ ra sau khi kết thúc khai thác để đóng cửa mỏ, phục hồi nguyên trạng mặt đất và môi trường của mỏ tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản tính từ khi ghi nhận chi phí hoàn nguyên môi trường.

## 2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.14. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Tiền thuê văn phòng ở Chi nhánh Hà Nội được trả trước định kỳ 3 tháng/lần.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 34 tháng.

## 2.15. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.



## 2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

## 2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## 2.19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

## 2.21. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.



2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ kinh doanh trong lĩnh vực khai thác và chế biến quặng Antimony trên lãnh thổ Việt nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	936.628.337	709.754.321
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	81.244.572.976	22.341.615.988
- Các khoản tương đương tiền	23.000.000.000	-
	<b>105.181.201.313</b>	<b>23.051.370.309</b>

Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 23.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,4% đến 4,4%.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024 (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	202.699.870.000	-	94.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	202.699.870.000	-	94.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Trái phiếu (**)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
	<b>208.699.870.000</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng có giá trị 202.699.870.000 VND với lãi suất từ 3,4% đến 5%.

(\*\*) Tại ngày 31/12/2024, số dư trái phiếu nắm giữ là trái phiếu mua theo giấy chứng nhận số CTG2230T2/02\_260 ngày 01/11/2023.

Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương; Mã trái phiếu: CTG2230T2/02; Số lượng: 60.000; Ngày phát hành: 01/11/2023; Kỳ hạn: 8 năm; Lãi suất: 6,45%/ năm; Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã chứng khoán	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương <sup>(1)</sup>	-	-	12.756.900.240	7.696.238.133
Đầu tư vào đơn vị khác	69.469.880.000	(28.605.617.680)	69.469.880.000	(41.856.639.520)
- Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng <sup>(2)</sup>	69.469.880.000	(28.605.617.680)	69.469.880.000	(41.856.639.520)
	<b>69.469.880.000</b>	<b>(28.605.617.680)</b>	<b>82.226.780.240</b>	<b>(41.856.639.520)</b>

<sup>(1)</sup> Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm 31/12/2023 của chứng khoán này trên sàn UPCOM.

Trong năm, Công ty đã có giao dịch bán 1.164.919 cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương cho các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 11.649.190.000 VND, giá phí 15.260.438.900 VND. Sau giao dịch trên, tại ngày 31/12/2024, Công ty không còn sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác, Chế biến Khoáng sản Hải Dương.

<sup>(2)</sup> Dự phòng được ước tính theo giá chứng khoán thực tế trên thị trường (giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liên kế gần nhất trước thời điểm ngày 31/12/2023 và 31/12/2024 do Sở Giao dịch chứng khoán công bố).

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đơn vị khác	Cao Bằng	9,69%	9,69%	Khai thác, chế biến khoáng sản
- Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	9,69%	9,69%	Khai thác, chế biến khoáng sản



5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>4.586.780.997</b>	<b>(234.386.987)</b>	<b>7.017.038.709</b>	<b>(234.386.988)</b>
- Chemico Chemicals Private Limited	-	-	6.782.651.721	-
- TOKOKOSENORP - Nhật Bản	4.352.394.010	-	-	-
- Hoàng Văn Thiếm	71.642.500	(71.642.500)	71.642.500	(71.642.500)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	162.744.487	(162.744.487)	162.744.488	(162.744.488)
	<b>4.586.780.997</b>	<b>(234.386.987)</b>	<b>7.017.038.709</b>	<b>(234.386.988)</b>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên khác</b>	<b>2.416.493.974</b>	<b>(377.254.720)</b>	<b>2.012.332.734</b>	<b>(377.254.720)</b>
- Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	1.249.895.340	-	1.131.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Tài nguyên Môi trường Thủ đô	-	-	133.220.100	-
- Công ty TNHH T7T Tuyên Quang	200.000.000	-	116.224.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	966.598.634	(377.254.720)	631.888.634	(377.254.720)
	<b>2.416.493.974</b>	<b>(377.254.720)</b>	<b>2.012.332.734</b>	<b>(377.254.720)</b>

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>a.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.580.556.479	-	868.446.574	-
- Tạm ứng	121.697.525	(12.217.300)	93.859.680	(12.217.300)
- Phải thu thuế TNCN của người lao động	2.929.418.523	-	1.652.756.860	-
- Phải thu khác	208.350.964	(102.381.846)	192.532.655	(102.381.845)
	<b>5.840.023.491</b>	<b>(114.599.146)</b>	<b>2.807.595.769</b>	<b>(114.599.145)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
<b>b.1) Chi tiết theo nội dung</b>				
- Ký cược, ký quỹ	3.730.143.409	-	3.159.390.801	-
	<b>3.730.143.409</b>	<b>-</b>	<b>3.159.390.801</b>	<b>-</b>

8. NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>234.386.987</b>	<b>-</b>	<b>234.386.988</b>	<b>-</b>
+ Hoàng Văn Thiếm	71.642.500	-	71.642.500	-
+ Công ty chế biến NLS Bắc Quang	61.017.368	-	61.017.368	-
+ Ban quản lý sở Công trình điện Bình Vàng	47.780.025	-	47.780.025	-
+ Đối tượng khác	53.947.094	-	53.947.095	-
<b>Trả trước người bán</b>	<b>377.254.720</b>	<b>-</b>	<b>377.254.720</b>	<b>-</b>
+ Xi nghiệp Xây lắp Thành Đồng	202.440.273	-	202.440.273	-
+ Công ty TNHH Hạ Long Viglacera	114.814.447	-	114.814.447	-
+ Trung tâm Khuyến Công - Sở Công Thương	60.000.000	-	60.000.000	-
<b>Tạm ứng</b>	<b>12.217.300</b>	<b>-</b>	<b>12.217.300</b>	<b>-</b>
+ Đối tượng khác	12.217.300	-	12.217.300	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>102.381.846</b>	<b>-</b>	<b>102.381.845</b>	<b>-</b>
+ Công ty TNHH Phà Lại	40.000.000	-	40.000.000	-
+ Đối tượng khác	62.381.846	-	62.381.845	-
	<b>726.240.853</b>	<b>-</b>	<b>726.240.853</b>	<b>-</b>

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	4.645.373.220	-	5.342.909.128	-
- Công cụ, dụng cụ	1.012.208.327	-	1.005.812.201	-
- Thành phẩm	18.188.350.450	-	28.343.922.283	-
	<b>23.845.931.997</b>	<b>-</b>	<b>34.692.643.612</b>	<b>-</b>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Dự án Thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Antimony Mậu Duệ (*)	9.802.839.133	9.391.665.985
- Chi phí cấp giấy phép môi trường mỏ Mậu Duệ	-	586.758.502
- Hệ thống dây chuyền sản xuất gạch không nung - PXL (**)	522.426.533	347.852.892
- Nhà văn phòng PXXKT (***)	1.131.079.043	-
- Dự án khác	476.375.027	149.933.204
	<b>11.932.719.736</b>	<b>10.476.210.583</b>



(\*) Theo Quyết định số 1241/QĐ-HĐTLQG ngày 23/12/2022, Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia đã phê duyệt trữ lượng quặng và kim loại antimon trong "Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi Giấy phép khai thác số 3940 QĐ/ĐCKS ngày 27/12/1996 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) mỏ antimon Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang" với các nội dung:

- Diện tích khu vực thăm dò nâng cấp, phê duyệt trữ lượng là 35,2 ha;
- Phê duyệt trữ lượng quặng antimon cấp 122 là 355.271 tấn chứa 17.755 tấn kim loại Sb;
- Tài nguyên quặng antimon cấp 333 là 190.126 tấn chứa 8.055 tấn kim loại Sb;
- Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt được quy định cụ thể trong quyết định.

Quyết định trên là tiền đề để Công ty thực hiện dự án "Điều chỉnh giấy phép khai thác Antimon" từ năm 2023 và dự kiến hoàn thành vào năm 2025. Công ty đã thành lập Ban Quản lý dự án theo Quyết định của Giám đốc Công ty số 55/QĐ-CKKS ngày 10/03/2023 để thực hiện Dự án điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản. Hiện tại dự án đang trong giai đoạn xin chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư của tỉnh Hà Giang.

(\*\*) Dự án: Dây chuyền sản xuất gạch không nung

Công trình: Xử lý xi thêu tại phân xưởng luyện antimon xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.

Đơn vị thực hiện: Công ty TNHH T&T Tuyên Quang.

Tổng mức đầu tư: 1.525.273.000 VND.

Tiến độ thực hiện đến 31/12/2024: dự kiến hoàn thành vào quý 1 năm 2025.

(\*\*\*) Dự án dự kiến hoàn thành vào quý 1 năm 2025

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang  
Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	28.717.272.405	36.237.166.902	10.042.490.365	556.448.200	75.553.377.872					
- Mua trong năm	-	3.285.691.111	3.780.668.519	-	7.066.359.630					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	810.922.106	-	-	-	810.922.106					
Số dư cuối năm	29.528.194.511	39.522.858.013	13.823.158.884	556.448.200	83.430.659.608					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	24.105.912.111	33.386.693.948	8.233.251.476	556.448.200	66.282.305.735					
- Khấu hao trong năm	1.178.206.849	1.269.526.442	769.187.732	-	3.216.921.023					
Số dư cuối năm	25.284.118.960	34.656.220.390	9.002.439.208	556.448.200	69.499.226.758					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	4.611.360.294	2.850.472.954	1.809.238.889	-	9.271.072.137					
Tại ngày cuối năm	4.244.075.551	4.866.637.623	4.820.719.676	-	13.931.432.850					

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

63.228.709.176 VND



12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất		Quyền khai thác khoáng sản		Chi phí hoàn nguyên môi trường		Bản quyền, bằng sáng chế		Tài sản cố định vô hình khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	2.827.595.455	22.723.027.000	17.920.493.837	380.554.359	2.316.881.542	46.168.552.193						
Số dư đầu năm	2.827.595.455	22.723.027.000	17.920.493.837	380.554.359	2.316.881.542	46.168.552.193						
Số dư cuối năm	1.550.120.123	22.723.027.000	13.970.051.408	380.554.359	2.316.881.542	40.940.634.432						
Giá trị hao mòn lũy kế	53.775.041	-	1.297.010.136	-	-	1.350.785.177						
- Khấu hao trong năm	1.603.895.164	22.723.027.000	15.267.061.544	380.554.359	2.316.881.542	42.291.419.609						
Số dư cuối năm	1.277.475.332	-	3.950.442.429	-	-	5.227.917.761						
Giá trị còn lại	1.223.700.291	-	2.653.432.293	-	-	3.877.132.584						
Tại ngày đầu năm												
Tại ngày cuối năm												
Trong đó:												

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 26.507.751.401 VND

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
- Chi phí thuê văn phòng	-	100.963.200
	-	100.963.200
b) Chi phí trả trước dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	681.214.170	1.380.858.256
	681.214.170	1.380.858.256

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>	9.224.219.533	9.224.219.533	7.532.721.016	7.532.721.016
- Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Thương mại Minh Tuấn	-	-	358.183.540	358.183.540
- Công ty TNHH Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hùng Dũng	3.109.310.148	3.109.310.148	1.210.413.028	1.210.413.028
- Công ty MTV TNHH Hùng Minh 868	3.426.986.274	3.426.986.274	4.425.298.253	4.425.298.253
- Phải trả các đối tượng khác	2.687.923.111	2.687.923.111	1.538.826.195	1.538.826.195
	9.224.219.533	9.224.219.533	7.532.721.016	7.532.721.016

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	248.411.826	1.450.301.052	1.698.712.878	-
- Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	18.582.132.613	18.582.132.613	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.295.179.077	46.629.498.624	34.997.684.870	13.926.992.831
- Thuế thu nhập cá nhân	256.350.279	4.928.710.101	5.115.409.929	69.650.451
- Thuế Tài nguyên	317.745.792	16.838.945.444	15.612.928.802	1.543.762.434
- Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	71.311.719	71.311.719	-
- Thuế bảo vệ môi trường	23.746.375	455.635.142	454.045.452	25.336.065
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.179.989.000	5.860.130	5.860.130	3.179.989.000
	6.321.422.349	88.962.394.825	76.538.086.393	18.745.730.781

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí phải trả khác	75.000.000	75.000.000
	<b>75.000.000</b>	<b>75.000.000</b>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND

a) Ngắn hạn

a.1) Chi tiết theo nội dung

- Bảo hiểm xã hội	3.446.055	3.445.255
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.526.043.890
- Tiền chi các khoản cho người lao động	14.335.500.000	6.515.876.600
- Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.171.819.219	229.581.664
	<b>15.690.765.274</b>	<b>8.454.947.409</b>

a.2) Chi tiết theo đối tượng

Bên liên quan		31/12/2024	01/01/2024
- Ông Đỗ Khắc Hùng		479.792.700	24.000.000
- Ông Trịnh Ngọc Hiếu		376.479.000	24.000.000
- Ông Nguyễn Văn Biên		351.276.000	-
- Ông Vũ Thắng Bình		303.156.000	-
- Ông Phạm Thành Đô		30.000.000	30.000.000
- Ông Nguyễn Trung Hiếu		24.000.000	24.000.000
- Ông Tạ Hồng Thăng		24.000.000	24.000.000
- Ông Đào Minh Tân		15.000.000	15.000.000
- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn		24.000.000	24.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Trọng		15.000.000	15.000.000
	<b>Bên khác</b>	<b>14.048.061.574</b>	<b>8.274.947.409</b>
- Đối tượng khác		14.048.061.574	8.274.947.409
		<b>15.690.765.274</b>	<b>8.454.947.409</b>

b) Dài hạn

b.1) Chi tiết theo nội dung

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.000.000	9.000.000
	<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>

b.2) Chi tiết theo đối tượng

Bên khác		31/12/2024	01/01/2024
- Đối tượng khác		9.000.000	9.000.000
		<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí hoàn nguyên môi trường (i)	12.820.869.973	12.924.488.223
	<b>12.820.869.973</b>	<b>12.924.488.223</b>

(i) Dự phòng phải trả dài hạn là chi phí hoàn nguyên môi trường ước tính mà Công ty phải nộp Ngân sách Nhà nước sau khi kết thúc khai thác khoáng sản để cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn.

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang  
Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang

Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU  
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	126.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	50.000.000.000	1.103.464.642	43.256.838.958	182.026.396.521						
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	54.851.765.689	54.851.765.689						54.851.765.689
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(39.347.539.498)	(39.347.539.498)						(39.347.539.498)
Số dư cuối năm trước	126.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	50.000.000.000	1.103.464.642	58.761.065.149	197.530.622.712						197.530.622.712
Số dư đầu năm nay	126.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	(42.833.907.079)	50.000.000.000	1.103.464.642	58.761.065.149	197.530.622.712						197.530.622.712
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	183.155.715.371	183.155.715.371						183.155.715.371
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	-	-	-	(85.337.717.485)	(85.337.717.485)						(85.337.717.485)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	4.978.311.977	4.978.311.977	42.833.907.079	-	-	-	-						47.812.219.056
Số dư cuối năm nay	126.000.000.000	9.478.311.977	9.478.311.977	-	50.000.000.000	1.103.464.642	156.579.063.035	343.160.839.654						343.160.839.654

(\*) Trong năm tài chính Công ty có thực hiện tái phát hành Cổ phiếu quỹ;

- Số lượng cổ phiếu quỹ tái phát hành: 679.280;

- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu;

- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX);

- Thời gian thực hiện: từ ngày 18/09/2024 đến ngày 02/10/2024;

- Mục đích bán: Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh.



(\*\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Lợi nhuận còn lại năm 2022 (1)		18.572.607.744
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2023 (2)		54.851.765.689
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối (3)=(1)+(2)	100,00%	73.424.373.433
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16,34%	12.000.000.000
- Số đã tạm trích trong năm 2023 (5)		2.742.588.284
- Số trích bổ sung trong năm 2024 (6)		9.257.411.716
Chi trả cổ tức (bằng 45% vốn điều lệ) (7)=(8)+(9)	73,06%	53.643.240.000
- Cổ tức đã tạm chi trả trong năm 2023 (8)		11.920.720.000
- Cổ tức còn phải chi trả trong năm 2024 (9)		41.722.520.000
Lợi nhuận chưa phân phối	10,60%	7.781.133.433

Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2024, Công ty tạm trích 5% Quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm 2024, số tiền: 9.157.785.769 VND.

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 47/NQ-HĐQT ngày 01/11/2024, Công ty công bố việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 như sau:

- Chi trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện 20% (2.000 đồng/ Cổ phiếu).
- Ngày đăng ký cuối cùng: 13/11/2024.
- Ngày thanh toán: 29/11/2024.
- Số tiền: 25.200.000.000 đồng.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	58.762.800.000	46,64	58.762.800.000	46,64
Công ty TNHH Quốc tế DP	10.011.000.000	7,95	10.011.000.000	7,95
Cổ đông nội bộ (thành viên HĐQT, BGD, BKS và KTT)	1.252.300.000	0,99	1.252.300.000	0,99
Cổ phiếu quỹ	-	0,00	6.792.800.000	5,39
Các cổ đông khác	55.973.900.000	44,42	49.181.100.000	39,03
	<b>126.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>126.000.000.000</b>	<b>100</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	126.000.000.000	126.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	<b>126.000.000.000</b>	<b>126.000.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	66.922.520.000	29.801.800.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	41.722.520.000	17.881.080.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	25.200.000.000	11.920.720.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(66.922.520.000)	(29.801.800.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(41.722.520.000)	(17.881.080.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	(25.200.000.000)	(11.920.720.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.600.000	12.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.600.000	12.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	12.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	679.280
- Cổ phiếu phổ thông	-	679.280
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.600.000	11.920.720
- Cổ phiếu phổ thông	12.600.000	11.920.720
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	50.000.000.000	50.000.000.000
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.103.464.642	1.103.464.642
	<b>51.103.464.642</b>	<b>51.103.464.642</b>

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

- Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty thuê văn phòng (Chi nhánh Hà Nội) tại Prime Centre, 53 Quang Trung, Hà Nội với diện tích thuê 80 m<sup>2</sup>, tiền thuê 48.256.000 VND/ tháng (đã bao gồm phí dịch vụ và thuế GTGT), tiền thuê nhà sẽ được trả trước 3 tháng một lần.
- Công ty thuê đất theo hợp đồng số 06/HDTD ngày 10/03/2010: diện tích thuê là 10.440 m<sup>2</sup> tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, Hà Giang và sử dụng đất làm cơ sở sản xuất kinh doanh. Giá thuê là 1.252.800 VND/năm, thời hạn thuê đến 30/10/2032. Tiền thuê đất nộp theo thông báo hàng năm của Cục thuế Tỉnh Hà Giang.
- Công ty thuê đất theo hợp đồng số 07/DTD ngày 10/03/2010: diện tích thuê là 29.943 m<sup>2</sup> tại xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, Hà Giang và sử dụng làm đất cho hoạt động khai thác khoáng sản. Giá thuê là 3.593.160 VND/năm, thời hạn thuê đến 30/10/2032. Tiền thuê đất nộp theo thông báo hàng năm của Cục thuế Tỉnh Hà Giang.
- Công ty thuê đất theo hợp đồng số 08/HDTD ngày 10/3/2010: diện tích thuê là 130.940,7 m<sup>2</sup> tại thôn Pắc Đén, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, Hà Giang và sử dụng làm đất cho hoạt động khai thác khoáng sản. Giá thuê là 15.712.884 VND/năm, thời hạn thuê đến 27/12/2026. Tiền thuê đất nộp theo thông báo hàng năm của Cục thuế Tỉnh Hà Giang.



- Công ty thuê đất theo hợp đồng số 01/HDTD ngày 05/01/2015: diện tích thuê là 102.247,3 m<sup>2</sup> tại thôn Ngâm Soọc, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, Hà Giang và sử dụng làm đất cho hoạt động khai thác khoáng sản. Tiền thuê đất nộp hàng năm theo thông báo, thời hạn thuê đến 27/12/2026. Tiền thuê đất nộp theo thông báo hàng năm của Cục thuế Tỉnh Hà Giang.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
- USD	2.051.275,96	921.466,00
- CNY	26.221,16	8.849,00

c) Vàng ngoại tệ

	31/12/2024	01/01/2024
	19,22	19,22

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	370.448.864.861	175.681.807.310
	<b>370.448.864.861</b>	<b>175.681.807.310</b>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	130.800.612.610	93.532.230.961
	<b>130.800.612.610</b>	<b>93.532.230.961</b>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.984.808.784	6.189.994.742
Lãi bán các khoản đầu tư	2.503.538.660	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	648.504.080	574.464.019
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.848.442.388	203.670.497
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	105.347.429
	<b>10.985.293.912</b>	<b>7.073.476.687</b>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.864.028.644	144.738.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	28.232.919
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(13.251.021.840)	834.786.596
Chi phí tài chính khác	314.023.964	180.000.000
	<b>(11.072.969.232)</b>	<b>1.187.757.606</b>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.131.603	154.042.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.869.712.740	1.477.288.097
Chi phí khác bằng tiền	24.910.000	83.965.000
	<b>3.043.754.343</b>	<b>1.715.296.089</b>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	728.453.903	786.215.236
Chi phí nhân công	19.850.017.440	11.330.258.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.190.447.200	1.078.842.904
Thuế, phí, lệ phí	96.195.915	90.972.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.140.297.028	613.786.681
Chi phí khác bằng tiền	1.520.021.245	1.459.610.327
	<b>24.525.432.731</b>	<b>15.359.685.683</b>

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Hỗ trợ quỹ khắc phục thiên tai cho tỉnh Hà Giang	300.000.000	-
Các khoản hỗ trợ, tài trợ khác	2.106.980.000	621.460.000
Chi phí khác	1.945.134.326	1.285.031.218
	<b>4.352.114.326</b>	<b>1.906.491.218</b>



28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	229.785.213.995	69.346.435.167
Các khoản điều chỉnh tăng	3.995.196.947	3.905.046.738
- Chi phí không hợp lệ	3.995.196.947	3.732.075.728
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm		28.232.919
- Điều chỉnh tăng khác	-	144.738.091
Các khoản điều chỉnh giảm	(632.917.824)	(778.134.515)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(632.917.824)	(203.670.497)
- Điều chỉnh giảm khác	-	(574.464.018)
Thu nhập chịu thuế TNDN	233.147.493.118	72.473.347.390
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>46.629.498.624</b>	<b>14.494.669.478</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.295.179.077	(6.256.657.306)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(34.997.684.870)	(5.942.833.095)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>13.926.992.831</b>	<b>2.295.179.077</b>

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	183.155.715.371	54.851.765.689
Các khoản điều chỉnh	(9.157.785.769)	(2.742.588.284)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(9.157.785.769)	(2.742.588.284)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	173.997.929.602	52.109.177.405
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.088.214	11.920.720
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>14.394</b>	<b>4.371</b>

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty tạm trích 5% Quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên Lợi nhuận sau thuế TNDN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.688.079.157	23.257.192.098
Chi phí nhân công	59.406.286.336	33.934.916.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.567.706.200	5.716.817.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.212.377.627	19.626.088.901
Chi phí khác bằng tiền	30.339.778.531	21.703.434.155
<b>148.214.227.851</b>	<b>104.238.449.443</b>	

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	40.864.262.320	40.864.262.320
	-	-	<b>40.864.262.320</b>	<b>40.864.262.320</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Đầu tư dài hạn	-	-	35.309.478.613	35.309.478.613
	-	-	<b>35.309.478.613</b>	<b>35.309.478.613</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.244.572.976	-	-	104.244.572.976
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.077.818.355	3.730.143.409	-	13.807.961.764
Các khoản cho vay	202.699.870.000	-	6.000.000.000	208.699.870.000
	<b>317.022.261.331</b>	<b>3.730.143.409</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>326.752.404.740</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.341.615.988	-	-	22.341.615.988
Phải thu khách hàng, phải thu khác	9.475.648.345	3.159.390.801	-	12.635.039.146
Các khoản cho vay	94.000.000.000	-	6.000.000.000	100.000.000.000
	<b>125.817.264.333</b>	<b>3.159.390.801</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>134.976.655.134</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	24.914.984.807	9.000.000	-	24.923.984.807
Chi phí phải trả	75.000.000	-	-	75.000.000
	<b>24.989.984.807</b>	<b>9.000.000</b>	<b>-</b>	<b>24.998.984.807</b>
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	15.987.668.425	9.000.000	-	15.996.668.425
Chi phí phải trả	75.000.000	-	-	75.000.000
	<b>16.062.668.425</b>	<b>9.000.000</b>	<b>-</b>	<b>16.071.668.425</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**32. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Biên bản làm việc ngày 05/09/2019 của Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Hà Giang, Tổ kiểm toán tổng hợp thu, Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương tỉnh Hà Giang kiến nghị thu bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn 2008 - 2018 với số tiền 39,6 tỷ đồng. Công ty đã xác nhận trên biên bản không đồng ý với nội dung thu thuế nêu trên do Đoàn kiểm toán chưa xem xét đến các khoản ưu đãi thuế mà Công ty đang được hưởng trong giai đoạn này theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Tổ kiểm toán cũng đề nghị có ý kiến về các nội dung trên bằng văn bản của Đoàn kiểm toán, Kiểm toán Nhà nước khu vực VII. Ngày 20/09/2019, Cục Thuế tỉnh Hà Giang đã có Công văn số 716/CT-KK gửi Tổng cục thuế xin chỉ đạo phương án xử lý. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Tổng cục thuế chưa có văn bản trả lời. Ngày 09/03/2022, Phòng Thanh tra kiểm tra Cục Thuế tỉnh Hà Giang đã có buổi làm việc lại với Công ty về các vấn đề này, tuy nhiên Công ty vẫn chưa đồng ý với các nội dung như đã đề cập từ trước. Ngày 13/10/2023, Công ty đã gửi công văn số 26/CV-CKKS về việc triển khai thực hiện dứt điểm các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại tỉnh Hà Giang đến Sở Tài chính Hà Giang, tuy nhiên Công ty chưa nhận được phản hồi từ Sở. Do vậy, tại ngày 31/12/2024, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung này do chưa chắc chắn kết quả của vấn đề nêu trên.

**33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập của người quản lý chủ chốt</b>			
- Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch HĐQT	539.000.000	284.000.000
- Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	115.000.000	110.000.000
- Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	345.000.000	316.000.000
- Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên HĐQT	345.000.000	220.000.000
- Ông Trần Nguyên Nam	Thành viên HĐQT	115.000.000	110.000.000
- Ông Đỗ Khắc Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.846.103.900	1.282.495.800
- Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.349.524.400	962.920.700
- Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc	1.248.123.000	922.357.200
- Ông Vũ Thăng Bình	Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	1.161.222.250	749.517.697
- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	575.000.000	530.256.026
- Bà Nguyễn Thị Lương Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	79.000.000	74.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Trọng	Thành viên Ban kiểm soát	519.000.000	467.626.200

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.



### 35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
<b>a) Bảng cân đối kế toán</b>				
- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	168.955.703.480	162.955.703.480	(6.000.000.000)
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	100.000.000.000	94.000.000.000	(6.000.000.000)
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	100.000.000.000	94.000.000.000	(6.000.000.000)
- TÀI SẢN DÀI HẠN	200	69.885.590.258	75.885.590.258	6.000.000.000
- Đầu tư tài chính dài hạn	250	40.370.140.720	46.370.140.720	6.000.000.000
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	6.000.000.000	6.000.000.000



Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu  
Hà Giang, ngày 03 tháng 03 năm 2025



Hoàng Lê Khanh  
Kế toán trưởng



Đỗ Khắc Hùng  
Giám đốc



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Khắc Hùng